

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NGUYỄN THỊ HUYẾT

**KHÓ KHĂN TRONG GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH
LỚP 4 NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI GIÁO VIÊN
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG
TIẾN, HUYỆN VỊ XUYÊN, TỈNH HÀ
GIANG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Tâm lý học

Người hướng dẫn khoa học

Th.S NGUYỄN THỊ VUI

HÀ NỘI

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập tại trường và tạo điều kiện cho tôi thực hiện khoá luận tốt nghiệp.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Thạc sĩ Nguyễn Thị Vui - Giảng viên bộ môn Tâm lý giáo dục trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã tận tình chỉ bảo hướng dẫn khoa học cho tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tập thể thầy cô và học sinh lớp 4A, 4B trường Tiểu học Phương tiến - Vị Xuyên - Hà Giang đã tận tình giúp đỡ tôi hoàn thành khoá luận.

Tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè đã giúp đỡ, động viên tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành khoá luận này.

Do điều kiện thời gian và phạm vi nghiên cứu có hạn, khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong các thầy cô giáo và các bạn thông cảm và đưa ra những chỉ dẫn quý báu để khoá luận trở nên hoàn chỉnh hơn.

Hà Nội, ngày tháng năm

Sinh viên

Nguyễn Thị Huyết

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “***Khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên ở trường Tiểu học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang***” là kết quả mà tôi trực tiếp tìm tòi, nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện đề tài tôi đã sử dụng tài liệu của một số tác giả. Tuy nhiên đó chỉ là cơ sở để tôi rút ra những vấn đề cần tìm hiểu ở đề tài của mình. Đề tài khoá luận này là của cá nhân tôi, hoàn toàn không trùng đề tài của các tác giả khác và đề tài chưa được công bố trong một công trình khoa học nào khác.

Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày tháng năm

Sinh viên

Nguyễn Thị Huyết

CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG KHÓA LUẬN

TH	: Tiểu học
GTSP	: Giao tiếp sợ phạm
HS	: Học sinh
UBND	: Ủy ban nhân dân
GV	: Giáo viên
–	: Điểm trung bình
TB	: Thứ bậc
ĐTB	: Điểm trung bình

HỆ THỐNG CÁC BẢNG

Bảng 1: Tự đánh giá của học sinh về những trở ngại tâm lý khi giao tiếp với giáo viên.

Bảng 2: Tần số xuất hiện khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh với giáo viên.

Bảng 3: Những khó khăn trong giao tiếp của học sinh khi giao tiếp với giáo viên.

Bảng 4: Những khó khăn trong giao tiếp của học sinh khi giao tiếp với giáo viên (Xét theo giới tính)

Bảng 5: Nguyên nhân gây ra các khó khăn tâm lý của học sinh người dân tộc thiểu số.

Bảng 6: Đánh giá của giáo viên về những trở ngại tâm lý khi giao tiếp với giáo viên của học sinh

Bảng 7: Tần số xuất hiện trở ngại tâm lý trong giao tiếp của học sinh với giáo viên dưới sự đánh giá của giáo viên.

Bảng 8: Đánh giá của giáo viên về khó khăn trong giao tiếp của học sinh khi giao tiếp với giáo viên.

Bảng 9: Đánh giá của giáo viên về nguyên nhân gây nên các khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	3
4. Giả thuyết khoa học	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	4
6. Phạm vi nghiên cứu	4
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Cấu trúc khoá luận	6
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ	
1.1. Sơ lược lịch sử vấn đề giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số	7
1.1.1. Ở nước ngoài	7
1.1.2. Ở Việt Nam	8
1.2. Một số vấn đề lý luận giao tiếp và những khó khăn trong giao tiếp	10
1.2.1. Giao tiếp	10
1.2.2. Khó khăn trong giao tiếp	13
1.2.2.1 Khó khăn là gì?	13
1.2.2.2. Biểu hiện của khó khăn trong giao tiếp	15
1.2.3. Đặc điểm tâm lý của học sinh Tiểu học người dân tộc thiểu số.	16
1.2.3.1. Đặc điểm về ngôn ngữ	16
1.2.3.2. Đặc điểm về tính cách	17
1.2.3.3. Đặc điểm về nhận thức	17
1.2.4. Khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số	

với giáo viên

18

1.2.4.1. Khái niệm khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh người dân tộc

thiểu số với giáo viên	18
1.2.4.2. Biểu hiện khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số	19
1.2.5. Nguyên nhân của khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số	20
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	22
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHÓ KHĂN TRONG GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH LỚP 4 NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI GIÁO VIÊN TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG TIẾN, HUYỆN VỊ XUYÊN, TỈNH HÀ GIANG	23
2.1. Sơ lược về khách thể nghiên cứu	23
2.2. Thực trạng khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số trường Tiểu học Phương Tiến - Vị Xuyên - Hà Giang	24
2.2.1. Đánh giá của học sinh về khó khăn trong tâm lý khi giao tiếp với giáo viên trường Tiểu học Phương Tiến - Vị Xuyên - Hà Giang	24
2.2.2. Biểu hiện khó khăn tâm lý trong giao tiếp với giáo viên của học sinh ..	26
2.2.3. Nguyên nhân của những khó khăn tâm lý trong giao tiếp với giáo viên của học sinh người dân tộc thiểu số	32
2.2.3.1. Nguyên nhân chủ quan	34
2.2.3.2. Nguyên nhân khách quan	37
2.3. Đánh giá của giáo viên về những nguyên nhân gây nên khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số	39
2.3.1. Đánh giá của giáo viên về khó khăn trong giao tiếp của học sinh	39
2.3.2. Đánh giá của giáo viên về những nguyên nhân gây nên khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số.	44

2.3.2.1. Nguyên nhân chủ quan	45
2.3.2.2. Nguyên nhân khách quan	46

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	48
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HỌC SINH LỚP 4 NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG GIAO TIẾP VỚI GIÁO VIÊN TRONG LỚNG TIỂU HỌC PHƯỜNG TIỀN- VỊ XUYỀN - HÀ GIANG	50
3.1. Khắc phục những khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên bằng các hoạt động trong giờ học	50
3.1.1. Tăng cường cho học sinh thực hành, trải nghiệm các tình huống giao tiếp cụ thể (Tăng cường hoạt động giao tiếp).	50
3.1.2. Xây dựng các tình huống giả định trong dạy học	51
3.1.3. Sử dụng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp: trò chơi, đồ vui	52
3.2. Khắc phục những khó khăn trong giao tiếp với giáo viên của học sinh người dân tộc thiểu số bằng các hoạt động ngoài giờ học	52
3.2.1. Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp	52
3.2.2. Tổ chức các buổi nói chuyện, lao động, hoạt động chung	52
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	54
1. Kết luận	54
2. Kiến nghị	55
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Giao tiếp là nhu cầu trong đời sống tinh thần của con người. Con người từ lúc sinh ra cho đến khi lớn lên luôn có nhu cầu về mối quan hệ với những người xung quanh. Khi giao tiếp con người đã tham gia vào nhiều hình thức xã hội phức tạp và ở đó tạo nên các mối quan hệ phức tạp (V.I. Lênin), theo K.Marx: "... Bản chất của con người không phải cái gì đó chung chung trừu tượng cố hữu của những sự vật riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội". Như vậy, giao tiếp là một trong những yếu tố giúp con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội, tạo ra các mối quan hệ xã hội và tạo nên bản chất con người. Giao tiếp là một trong những phương thức tồn tại và phát triển của cá nhân và xã hội, con người còn sống thì còn hoạt động và giao tiếp. Giao tiếp là cơ sở đầu tiên, là viên gạch nền tảng của mọi nhận thức và định hướng cho việc hình thành nhân cách của trẻ em, các em giao tiếp để tìm hiểu về thế giới xung quanh, thể hiện yêu cầu, đòi hỏi, tham gia vào các hoạt động học tập, vui chơi...

Trẻ em cũng có giao tiếp. Các em giao tiếp để tìm hiểu về thế giới xung quanh, thể hiện yêu cầu đòi hỏi của mình đối với cha mẹ hay sự vui chơi, đùa nghịch với bạn bè cũng là giao tiếp. Giao tiếp giúp các em hiểu được về thế giới xung quanh về phong tục, tập quán, văn hoá của dân tộc. Từ đó các em sẽ áp dụng vào cuộc sống một cách có hiệu quả, phù hợp với chuẩn mực xã hội. Giao tiếp rất quan trọng và cần thiết đối với trẻ em. Nó lại càng cần thiết và quan trọng hơn đối với những học sinh dân tộc thiểu số. Những học sinh dân tộc thiểu số khả năng giao tiếp rất kém vì nhiều học sinh còn chưa nói sõi tiếng phổ thông. Vấn đề giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số đã được các nhà giáo dục quan tâm.

Đối với ngành Sư phạm, giao tiếp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách người thầy giáo, mà nó còn là

một bộ phận cấu thành của hoạt động sư phạm. K.D.Sinxki đã khẳng định: “*Sự thành công trong công tác sư phạm của người giáo viên phần lớn phụ thuộc vào thái độ của họ đối với học sinh, vào mức độ uy tín. Vì vậy, mối quan hệ lẫn nhau giữa người thầy và trò có thể được coi là vấn đề số một trong hoạt động của người thầy giáo*”. Nhưng không phải bao giờ quá trình giao tiếp cũng diễn ra một cách suôn sẻ, thuận chiều giữa các chủ thể, mà trong mối quan hệ đó thường xuyên xảy ra những khó khăn tâm lý nhất định làm cản trở quá trình giao tiếp, làm cho hiệu quả giao tiếp không như mong muốn.

Giáo dục Tiểu học trong những năm qua có những chuyển biến về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục học sinh không những ở các thành phố lớn, thị xã, thị trấn mà còn cả nông thôn, vùng núi và đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để thực hiện được vấn đề này một cách có hiệu quả nâng cao chất lượng cho học sinh dân tộc thiểu số thì cần phải nâng cao chất lượng giao tiếp bằng tiếng Việt cho học sinh, bởi vì tiếng Việt là phương tiện giao tiếp chủ yếu của học sinh với những người khác. Nhưng giao tiếp đối với học sinh dân tộc thiểu số quả là một vấn đề gian nan, học sinh sống ở những bản làng xa trung tâm, họ có lối sống biệt lập giữa các dân tộc nên ít có điều kiện giao tiếp với bên ngoài, cách suy nghĩ và khả năng tiếp thu còn hạn chế. Thêm vào đó là sự bất đồng ngôn ngữ giữa cô và học sinh đã gây nhiều khó khăn trong giao tiếp. Việc giao tiếp với học sinh dân tộc lớp 4 còn rất khó khăn, phức tạp vì thời gian trẻ tiếp xúc với cô và các bạn trên lớp quá ít, chỉ có một buổi, thời gian ở nhà là chính, trẻ lại giao tiếp bằng tiếng dân tộc, tiếng Việt không có ai để giao tiếp nên các em rất mau quên, trẻ phát âm không chuẩn.

Troàng Tiểu học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang là một trường mà hầu hết học sinh đều là người dân tộc, hoàn cảnh gia đình còn khó khăn, đời sống đi lại khó khăn. Từ những lý do trên và để tìm hiểu những khó khăn giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số, từ đó để có những

biện pháp giúp học sinh giao tiếp với trẻ một cách dễ dàng hơn nên tôi đã chọn đề tài: ***“Khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên ở trường Tiểu học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang”.***

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài này, tôi nhằm mục đích tìm hiểu những khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên ở trường Tiểu học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Từ đó, đề xuất những định hướng giúp trẻ.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- *Khách thể nghiên cứu:* Gồm 53 học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số trường Tiểu học Phương Tiến - Vị Xuyên - Hà Giang, đồng thời nghiên cứu trên 12 học sinh người dân tộc Kinh.

- *Đối tượng nghiên cứu:* Những khó khăn trong giao tiếp của học sinh dân tộc, lớp 4 trường Tiểu Học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

4. Giả thuyết khoa học

Hiện nay, học sinh trường Tiểu học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang hầu hết là người dân tộc. Các em gặp rất nhiều khó khăn trong đó khó khăn về giao tiếp là vấn đề đầu tiên. Các em thường khó khăn khi sử dụng ngôn ngữ: Khó khăn trong việc hiểu lời nói và diễn đạt lời nói.... Đặc biệt các em khó khăn khi sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: Không có khả năng sử dụng hay ít hiểu được ngôn ngữ cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ. Chính những khó khăn này đã gây trở ngại rất lớn trong việc quan hệ xã hội, tham gia các hoạt động vui chơi, học tập dẫn tới các em cảm thấy chán học. Nếu học biết được những khó khăn đó của các em thì sẽ giúp các em có cơ hội để khắc phục và phát triển khả năng giao tiếp.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lí luận về giao tiếp của học sinh dân tộc ở lớp 4.
- Nghiên cứu những khó khăn trong giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số khi bước vào lớp 4 trường Tiểu học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.
- Đề xuất những biện pháp giúp đỡ trẻ.

6. Phạm vi nghiên cứu

Tôi tiến hành nghiên cứu trên khách thể là học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số trong trường Tiểu học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1 Các phương pháp nghiên cứu lí luận

Tiến hành đọc, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá trong nghiên cứu các nguồn tài liệu lí luận có liên quan đến đề tài nhằm xây dựng cơ sở lý luận chung cho vấn đề nghiên cứu.

Mục đích

- Xây dựng giả thuyết khoa học cho đề tài.
- Viết lịch sử vấn đề nghiên cứu.
- Xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài để định hướng cho nghiên cứu thực tiễn *Cách tiến hành:*

Tiến hành sưu tầm, tham khảo, phân tích và nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến đề tài như: Các giáo trình, sách giáo khoa, báo, tạp chí và các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về hứng thú, về hứng thú đối với một đối tượng nào đó, về đặc trọng tâm - sinh lí của học sinh Tiểu học, nhằm xác định cơ sở lí luận của đề tài và các biện pháp cần thiết để giải quyết đề tài.

7.2 Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn.

- *Phương pháp quan sát:*

Quan sát những khó khăn về giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số.
Cách giao tiếp của chúng. Nhằm thu thập thông tin về những khó khăn trong

giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số, nhằm tìm ra nguyên nhân gây nên các khó khăn trong giao tiếp đó.

Chúng tôi tiến hành quan sát một cách có mục đích trong điều kiện tự nhiên và có biên bản ghi lại các thông tin quan sát một cách nghiêm túc. Quan sát hoạt động giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên trong giờ học trên lớp và các hoạt động ngoại khóa.

- Phương pháp điều tra viết

Đây là phương pháp nghiên cứu sử dụng phiếu trong câu ý kiến với một hệ thống câu hỏi đã được soạn sẵn, nhằm thu thập thông tin cần thiết về vấn đề nghiên cứu.

Mục đích

+ Tìm hiểu thực trạng một số khó khăn tâm lý biểu hiện về mặt nhận thức, thái độ, hành vi của các em học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên ở trường Tiểu học Phương Tiến - Vị Xuyên - Hà Giang.

+ Thu thập những ý kiến của học sinh về những khó khăn mà học sinh đó gặp phải khi giao tiếp với giáo viên.

Cách tiến hành: Sử dụng phiếu trong câu ý kiến với hệ thống câu hỏi có nội dung bổ trợ cho nhau. Nội dung câu hỏi rõ ràng, dễ hiểu, dễ trả lời. Phiếu trong câu ý kiến được đánh máy trên khổ giấy A4, trình bày sạch đẹp, rõ ràng.

- Phương pháp đàm thoại

Đây là phương pháp thu thập, phân tích những phản ứng bằng lời nói của học sinh trong các cuộc trò chuyện với mục đích được xác định của người nghiên cứu.

Tôi tiến hành trò chuyện, trao đổi trực tiếp với học sinh giáo viên trong trường trên tinh thần cởi mở, thân thiện... nhằm mục đích lấy ý kiến của họ về các khó khăn tâm lý trong giao tiếp với giáo viên của học sinh lớp 4 người

dân tộc thiểu số. Kết quả nghiên cứu nhằm bổ sung cho các phương pháp nghiên cứu khác trong đề tài.

- *Phương pháp thống kê Toán học*: Xử lý số liệu thu được từ thực tế.

Để khẳng định tính khách quan của những kết quả nghiên cứu, chúng tôi sử dụng toán thống kê nhằm lượng hóa kết quả thu được. Trên cơ sở đó căn cứ nhận xét về kết quả nghiên cứu một cách khách quan hơn. Nhằm giúp người nghiên cứu có những thông tin các biệt chuyển thành thông tin tổng thể, qua đó có thể nhận thức được về đối tượng nghiên cứu một cách tổng thể, toàn bộ.

8. Cấu trúc khoá luận
luận Khoá luận
gồm: Mở đầu

Chương 1. Cơ sở lí luận về vấn đề giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số

Chương 2. Những khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên ở trường Tiểu học Phơng Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Chương 3. Một số biện pháp khắc phục những khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên ở trường Tiểu học Phơng Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Kết luận và kiến nghị

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH NGOẠI DÂN TỘC THIỂU SỐ

1.1. Sơ lược lịch sử vấn đề giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số

1.1.1. Ở nước ngoài

Giao tiếp là một vấn đề mới trong khoa học nói chung và trong tâm lý học nói riêng.

Từ thời cổ Hy Lạp, Socrát (407 - 399 TCN) và Platon (428 -347 TCN) đã nói đến đối thoại nhỏ là sự giao tiếp trí tuệ phản ánh mối quan hệ giữa con người với con người.

Giữa thế kỉ XIX, trong bản thảo Kinh tế - Triết học năm 1884, Các Mác (1818 - 1883) đã bàn về nhu cầu xã hội giữa con người với con người trong hoạt động xã hội và tiêu dùng, xã hội loài người phải giao tiếp thực sự với nhau. Các Mác viết: “Cảm giác và hưởng thụ của những người khác cũng trở thành sở hữu của chính bản thân tôi. Cho nên ngoài vũ khí quan trực tiếp ấy hình thành những khí quan xã hội, dưới hình thức xã hội. Chẳng hạn nhỏ giao tiếp với người khác cũng đã trở thành khí quan biểu hiện sinh hoạt của tôi và một trong những phương thức chiếm hữu sinh hoạt của con người. Hơn thế nữa thông qua giao tiếp với người khác mà có thái độ với chính bản thân mình, mỗi người tự soi mình”.

Đến thế kỉ XX, vấn đề giao tiếp càng được các nhà triết học, tâm lý học, xã hội học quan tâm nhiều hơn. Gmít (1863-1931) đã đưa ra thuyết qua lại toạ lạc trọng, ông khẳng định vai trò của giao tiếp đối với sự tồn tại của con người, hay nhỏ ta thường nói, con người chỉ tồn tại trong xã hội là người trong cộng đồng khác.

Đầu thế kỉ XX, khi nghiên cứu và đề xuất các Phản xạ học, nhà triết học Nga V.M.Becchurép (1857-1927) trong tác phẩm: “Tâm lý học khách quan” (1907), “Phản xạ học tập thể” (1921),...đã đề cập nhiều về các vấn đề giao tiếp. Theo ông giao tiếp là ảnh hưởng tâm lý qua lại giữa người này với người kia. Giao tiếp giữ vai trò cơ chế thực hiện hoạt động cùng nhau và hình thành nên chủ thể tập thể của hoạt động đó. Giao tiếp là điều kiện thực hiện giáo dục, truyền đạt kinh nghiệm từ thế hệ này đến thế hệ khác. Becchurép cũng nhấn mạnh đến vai trò to lớn của giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển nhân cách.

Mác Tinbubow (1876-1965), một đại diện của triết học hiện sinh và triết học Nhật Bản trong một tác phẩm nổi tiếng của mình đặt nhan đề: “Tôi và bạn” đã cho rằng tồn tại là đối thoại, sau trở thành nguyên tắc đối thoại, góp phần phát triển lí luận về giao tiếp. Trong giao tiếp hai người bổ sung cho nhau, chứ không phải thay thế nhau, quan hệ qua lại hai chiều chứ không phải tuân theo một chiều trật tự thứ bậc, đó là hai người gặp nhau, tồn tại thứ nhất gặp tồn tại thứ hai.

Có thể nói, khó khăn tâm lý trong giao tiếp nói chung, trong giao tiếp của học sinh với giáo viên nói riêng đã được nghiên cứu ở nước ngoài. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trên cũng có những đóng góp nhất định nhỏ họ cũng đã phát hiện và nêu ra một số khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh với giáo viên, đồng thời có đề cập đến một số kỹ thuật giao tiếp mà giáo viên cần phải rèn luyện để đảm bảo cho hoạt động sư phạm đạt kết quả tốt.

1.1.2. Ở Việt Nam

Vấn đề giao tiếp mới được nghiên cứu từ cuối những năm 1970 đến những năm 1980. Phạm Minh Hạc đã định nghĩa: “Giao tiếp là quá trình xác lập và vận hành các quan hệ xã hội giữa người ta với nhau”.

Theo PGS Hoàng Anh Và PGS Vũ Kim Thành, Giao tiếp sư phạm là giao tiếp có tính chất nghề nghiệp giữa giáo viên và học sinh trong quá trình giảng dạy và giáo dục, có các chức năng sư phạm nhất định, tạo ra các tiếp xúc tâm lý, xây dựng không khí tâm lý thuận lợi, cùng các quá trình tâm lý khác (chú ý, toạ duy...) có thể tạo ra kết quả tối ưu của quan hệ thầy trò, trong nội bộ tập thể học sinh và trong hoạt động dạy cũng như hoạt động học. Từ khái niệm trên chúng ta thấy, công tác giáo dục và học tập chủ yếu diễn ra trong điều kiện giao tiếp như: Giảng bài trên lớp, thi cử... không có giao tiếp thì hoạt động của giáo viên và học sinh không đạt được mục đích giáo dục.

Tác giả Đỗ Long với bài viết: “C.Mac và phạm trù giao tiếp” (1963); Tác giả Trần Trọng Thủy với bài: “Giao tiếp và sự phát triển nhân cách của trẻ” (1981); Tác giả Bùi Văn Huệ với cuốn: “Bàn về vấn đề giao tiếp” (1981); Tác giả Nguyễn Văn Lê với cuốn: “Quy tắc giao tiếp xã hội” (1996) và “Vấn đề giao tiếp”...

Tác giả Lê Hoàng đã đi vào phân tích những trở ngại tâm lý trong công tác quản lý xí nghiệp của các nhà quản lý, chủ yếu thể hiện ở hai mặt: Nhu cầu và hoạt động. Tác giả cũng có những số liệu thực tế để chứng minh cho các trở ngại tâm lý đó.

Tác giả Nguyễn Thanh Sơn phân tích những khó khăn của học sinh miền núi khi học các tác phẩm Văn học cổ điển Việt Nam: Tác giả cho rằng nguyên nhân là do vốn văn hoá, vốn sống, vốn hiểu biết của các em hạn chế.

Năm 2004, tác giả Nguyễn Văn Thắng nghiên cứu về một số khó khăn tâm lý trong giao tiếp với giáo viên của học sinh lớp một người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Tác giả Huyền Phan với bài viết *Những trở ngại tâm lý khi giao tiếp* đã cho thấy, nhiều khi giao tiếp không đạt mục đích vì bị các trở ngại tâm lý ngăn cản.

Như vậy, qua một số công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, chúng ta có thể khẳng định được sự cần thiết của giao tiếp trong học tập và cuộc sống.

1.2. Một số vấn đề lý luận giao tiếp và những khó khăn trong giao tiếp

1.2.1. Giao tiếp

Giao tiếp là đối tượng nghiên cứu của khoa học Tâm lý. Hiện nay có rất nhiều khái niệm khác nhau về giao tiếp. Mỗi định nghĩa được dựa trên một khía cạnh riêng và có hạt nhân hợp lý của nó. Có thể khái quát các hướng nghiên cứu và định nghĩa giao tiếp theo các trường phái tâm lý học tiêu biểu như sau:

Đối với các nhà nghiên cứu nước ngoài

V.N.Miasixev, 1960: Giao tiếp là một quá trình tác động qua lại giữa các nhân cách cụ thể. Giao tiếp chỉ được thực hiện trong môi trường xã hội. Trong giao tiếp con người bộc lộ thái độ với người khác và với chính mình. Nhờ đó các nhà trị liệu tâm lý mới chuẩn đoán được các bệnh nhân bằng cách khác nhau rồi kết hợp với các phương pháp khác để trị liệu.

T.Chuccon (Mỹ) chú ý đến khía cạnh hành động, hành vi của giao tiếp xem giao tiếp như là một sự tác động qua lại trực tiếp lên nhân cách dẫn đến việc hình thành những ý nghĩ, biểu tượng chuẩn mực và mục đích hành động.

M.Acgain (Anh) quan niệm: Giao tiếp là quá trình hai mặt của sự thông báo thiết lập sự tiếp xúc, trao đổi thông tin.

- Theo quan niệm giao tiếp của các nhà Tâm lý học Liên Xô:

Trong một thời gian khá dài khái niệm giao tiếp bị thu hẹp lại. Đại diện là L.X.Vojgôtxki, X.L.Rubinstein....

L.X.Vojgôtxki cho rằng: Giao tiếp là sự thông báo hoặc là sự quan hệ qua lại một cách thuần túy giữa người với người, như là một sự trao đổi quan điểm và cảm xúc.

X.L.Rubinteyn: Giao tiếp là hình thức liên kết giữa người với nhau.

Bên cạnh quan điểm thu hẹp khái niệm giao tiếp, có một số tác giả lại mở rộng khái niệm giao tiếp:

B.V Xôcôlov xem giao tiếp nhỏ là một yếu tố chung có cả người và động vật, ông cho rằng: “Giao tiếp là sự tác động lẫn nhau giữa những con người với nhau và những động vật có tâm lý với nhau, nếu thu hẹp hơn thì có thể coi giao tiếp là mối quan hệ giữa con người và những động vật nuôi trong nhà” [4; 103]. Quan niệm này có xu hướng mở rộng khái niệm giao tiếp.

Theo A.A.Leeonchiev: “Giao tiếp là một hệ thống những quá trình có mục đích và động cơ đảm bảo sự tương tác giữa người này với người khác trong hoạt động tập thể, thực hiện các quan hệ xã hội và nhân cách, các quan hệ tâm lý và sử dụng phương tiện đặc thù mà trước hết là ngôn ngữ” [9; 35].

Ngoài ra còn có một số khái niệm về giao tiếp sơ phạm của một số tác giả: A.A.Lêonchiev trong tác phẩm “Giao tiếp sơ phạm” đã đưa ra định nghĩa về GTSP bao quát hơn và nhấn mạnh được bản chất chức năng của giao tiếp:

“GTSP là giao tiếp nghề nghiệp của giáo viên với học sinh trong hoặc ngoài giờ học (Trong quá trình giảng dạy và giáo dục) có những chức năng sơ phạm nhất định (nếu giao tiếp là chọn vẹn và tối ưu) nhằm tạo ra bầu không khí thuận lợi cũng như sự tối ưu khác về tâm lý cho quá trình học tập, cho việc xây dựng mối quan hệ giữa thầy và trò, cũng như trong tập thể nội bộ học sinh” [9].

Tác giả V.A.Canalic quan niệm: *“GTSP là một hệ thống biện pháp và kỹ năng tác động qua lại. Tâm lý học xã hội một cách có tổ chức giữa giáo viên và học sinh. Nội dung của nó là trao đổi thông tin, tác động giáo dục, tổ chức quan hệ qua lại thông qua các phương tiện giao tiếp. Ngoài ra, giáo viên còn là người chủ động, người tổ chức và điều khiển quá trình đó” [18].*

Đối với các nhà nghiên cứu Việt Nam

Khái niệm giao tiếp cũng được dùng với nhiều thuật ngữ khác nhau trong các công trình nghiên cứu của các nhà Tâm lý học ở Việt Nam.

Trần Trọng Thủy, 1998: *Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa con người với con người, qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau* [6].

Phạm Minh Hạc, 1998: *Giao tiếp là hoạt động xác lập, vận hành quan hệ giữa người với người để hiện thực hoá các quan hệ xã hội giữa các chủ thể này với các chủ thể khác* [3; 22].

Tác giả Nguyễn Ngọc Bích trong giáo trình “Tâm lý xã hội” viết: *Giao tiếp là sự tiếp xúc giữa hai người hay nhiều người thông qua phương tiện ngôn ngữ nhằm trao đổi thông tin, tình cảm, hiểu biết tác động qua lại và điều chỉnh lẫn nhau*” [5; 53].

Theo “Từ điển Tâm lý học” của Vũ Dũng: *Giao tiếp là quá trình thiết lập và phát triển tiếp xúc giữa cá nhân, xuất phát từ nhu cầu phối hợp hành động. Giao tiếp bao gồm hàng loạt các yếu tố như trao đổi thông tin, xây dựng chiến lược hoạt động thống nhất, tri giác và tìm hiểu người khác. Giao tiếp có ba khía cạnh chính: Giao lưu, tác động tương hỗ và tri giác* [7].

Tóm lại, giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý tạo nên quan hệ người - người, sự tiếp xúc tâm lý đó mang lại sự cảm thông, hiểu biết, ảnh hưởng, rung cảm tác động qua lại lẫn nhau để từng con người cũng như nhóm người và cả xã hội loài người cùng tồn tại và phát triển.

Ngoài ra, còn có một số khái niệm về giao tiếp sơ phạm:

Hai tác giả Ngô Công Hoàn và Hoàng Anh quan niệm: “*GTSP là giao tiếp có tính nghề nghiệp giữa giáo viên với học sinh trong quá trình giảng dạy (giáo dục) Và giáo dục có chức năng sư phạm nhất định, tạo ra các tiếp xúc tâm lý, xây dựng không khí tâm lý thuận lợi, cùng các quá trình tâm lý khác (chú ý, tư duy...) có thể tạo ra kết quả tối ưu của quan hệ thầy trò, trong nội bộ tập thể học sinh và trong hoạt động giảng dạy cũng như trong hoạt động học*” [9; 14].

Theo tác giả Nguyễn Văn Lê và Tạ Văn Doanh cho rằng: “*Giao tiếp sư phạm là một thành phần cơ bản của hoạt động sư phạm. Nó diễn ra khi nhà sư phạm tiến hành các hình thức tổ chức giảng dạy - giáo dục đối với học sinh như lên lớp, phụ đạo, kiểm tra, thi cử, hướng dẫn thực hành thí nghiệm*” [10; 15].

Tác giả Nguyễn Thanh Bình “*Giao tiếp sư phạm là quá trình tiếp xúc tâm lý, trong đó diễn ra sự trao đổi thông tin, cảm xúc, nhận thức và tác động qua lại lẫn nhau, nhằm thiết lập nên các mối quan hệ giữa giáo dục với đối tượng giáo dục, giữa nhà giáo dục với lực lượng giáo dục, giữa nhà giáo dục với nhau để thực hiện mục đích giáo dục*” [12; 26].

Trong công trình nghiên cứu của mình, tôi sử dụng quan niệm giao tiếp của tác giả Trần Trọng Thủy và Nguyễn Quang Uẩn: “*Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người và người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau và ảnh hưởng tác động qua lại với nhau. Hay nói cách khác đi giao tiếp xác lập và vận hành các quan hệ giữa người và người, hiện thực hoá các quan hệ xã hội giữa các chủ thể này với các chủ thể khác*” [8; 48].

Khoá luận sử dụng khái niệm trên của hai tác giả làm khái niệm công cụ, điểm tựa cho việc nghiên cứu một số khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số, vì nội hàm của khái niệm trên đảm bảo được các dấu hiệu bản chất của giao tiếp.

1.2.2. Khó khăn trong giao tiếp

1.2.2.1. Khó khăn là gì?

Hiện nay khái niệm về “Khó khăn” trong khoa học tâm lý chưa có sự thống nhất.

Theo từ điển Tiếng Việt thì “Khó khăn” có nghĩa là sự trở ngại làm mất nhiều công sức hoặc thiếu thốn [13; 357].

Theo từ điển từ láy Tiếng Việt thì “Khó khăn” có nghĩa là có nhiều trở ngại [7; 201].

Trong từ điển Anh - Việt thì từ “Hard” hoặc “Difficult” đều được dùng để chỉ “Khó khăn, gay go, đòi hỏi nhiều nỗ lực hay kỹ năng để làm, đóng góp hay hiểu” [15; 417; 240].

Trong từ điển Pháp - Việt thì “Difficulté” chỉ sự khó khăn với nghĩa “Nan giải, khó nhọc, gay go” [16; 55].

Theo “Sổ tay tâm lý học” thì *“Hàng rào tâm lý là trạng thái tâm lý thể hiện ở tính thụ động quá mức của chủ thể, gây cản trở trong việc thực hiện hành động”*.

Trong Từ điển Tâm lý học, tác giả Vũ Dũng cho rằng : *“Hàng rào tâm lý là trạng thái tâm lý thể hiện ở tính thụ động quá mức của chủ thể gây cản trở trong việc thực hiện hành động. Cơ chế tình cảm của hàng rào tâm lý là sự gia tăng những mặc cảm và tâm thế tiêu cực: hổ thẹn, cảm giác tội lỗi, sợ hãi, lo lắng, tự đánh giá thấp mình. Trong hành vi xã hội của con người, hàng rào tâm lý xuất hiện như những ngăn cách trong giao tiếp”* [7].

Như vậy, từ cách định nghĩa của các từ điển trên ta có thể thấy “Khó khăn có nghĩa là nói đến những gì cản trở, trở ngại, đòi hỏi nhiều nỗ lực để vượt qua”.

Trong thực tiễn, khi tiến hành bất cứ một hoạt động nào con người đều gặp phải những khó khăn, làm cho hoạt động chệch hướng, làm giảm đi hiệu quả mà con người mong muốn, thậm chí không đạt hiệu quả hoạt động. Những khó khăn này được gọi chung là những khó khăn trong quá trình hoạt động của con người được tạo nên bởi các yếu tố mang tính chất tiêu cực. Đó là yếu tố khách quan (bên ngoài): Điều kiện, phương tiện, môi trường... và yếu tố chủ quan (bên trong).

Tóm lại, *Khó khăn tâm lý trong giao tiếp là những đặc điểm tâm lý và phương thức hành động của chủ thể, thể hiện sự không phù hợp giữa nhận*
Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

thức, thái độ, hành vi ứng xử của chủ thể với nội dung, đối tượng, hoàn cảnh giao tiếp làm gián đoạn hoặc cản trở quá trình giao tiếp đạt hiệu quả”.

1.2.2.2. Biểu hiện của khó khăn trong giao tiếp

Khó khăn trong giao tiếp là một hiện tượng tâm lý khá phổ biến ở chủ thể trong quá trình giao tiếp, được thể hiện ở 3 mặt: Nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành vi ứng xử.

** Về nhận thức*

Nhận thức là một trong 3 mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người. Nhưng trên thực tế, con người không phải bao giờ cũng nhận thức đúng đắn trước những vấn đề phức tạp của cuộc sống. Đặc biệt trong giao tiếp, khó khăn trong giao tiếp được biểu hiện ở:

Hiểu biết không đầy đủ về đối tượng giao tiếp: Biểu hiện là phản ánh không đúng về nhân cách, bản chất, văn hoá, thói quen, tập quán của đối tượng giao tiếp. Điều đó sẽ làm cho hiệu quả giao tiếp hạn chế.

Do hiểu biết lẫn nhau là quá trình hoạt động phức tạp, nên phải tính đến điều này khi giao tiếp với nhau bởi vì, muốn hiểu nhau phải biết nhau, nhận thức rõ về nhau K.D.Usinxki nhà giáo dục Nga đã nói: “Muốn giáo dục con người đầy đủ phải hiểu đầy đủ về con người”. Điều đó cho thấy, hiểu biết không đầy đủ về đối tượng giao tiếp là một trở ngại làm hạn chế hiệu quả giao tiếp.

** Về xúc cảm, tình cảm*

Người có kinh nghiệm trong giao tiếp thường biết làm chủ trạng thái xúc cảm của bản thân, biểu hiện ở chỗ biết tự kiềm chế, che giấu tâm trạng khi cần thiết. Biết tạo ra hứng thú, xúc cảm tích cực cho bản thân. Biết điều khiển, điều chỉnh diễn biến tâm lý của mình và có phương pháp tiến hành giao tiếp sao cho phù hợp với hoàn cảnh, đối tượng để đạt được mục đích giao tiếp.

Ngược lại, người có khó khăn tâm lý trong giao tiếp thường có những biểu hiện sau:

- Xúc cảm tình cảm biểu hiện không phù hợp với tình huống giao tiếp.
- Xúc cảm tình cảm không phù hợp với đối tượng giao tiếp.
- Thiếu khả năng kiềm chế xúc cảm tình cảm.
- Thiếu khả năng biểu cảm theo tình huống, hoàn cảnh giao tiếp.

** Về hành vi ứng xử*

Hành vi mang rất nhiều thông tin, thể hiện nhiều chức năng. Nó chính là sự phối hợp vận động của toàn bộ bộ phận, giác quan, mọi thể... của cơ thể hướng vào một đối tượng hoạt động nhất định. Nguồn gốc của hành vi được hình thành từ thời ấu thơ trong gia đình, ở lớp mẫu giáo, bằng con đường vô thức hoặc bằng con đường tập nhiễm do bắt chước hành vi của người xung quanh.

1.2.3. Đặc điểm tâm lý của học sinh Tiểu học người dân tộc thiểu số.

1.2.3.1. Đặc điểm về ngôn ngữ

Tiếng Việt không phải là tiếng mẹ đẻ của các em. Trong sinh hoạt gia đình, cộng đồng, người dân ở đây, cũng như các em chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ nên khi bước ra thế giới bên ngoài, vào môi trường giáo dục phổ thông, tiếng Việt lúc bấy giờ là ngôn ngữ thứ hai của các em. Việc giao tiếp thông thường với thầy cô giáo đã khó khăn và cũng có khi là không thể, việc nghe giảng những kiến thức về các môn học khác nhau bằng tiếng Việt lại càng khó khăn hơn đối với các em. Đến trường, đến lớp là các em bước đến một môi trường sinh hoạt hoàn toàn xa lạ, tâm lý rụt rè, e sợ luôn thường trực trong các em.

Mặc dù học sinh đã trải qua các lớp ở bậc Mầm non nhưng đối với các em, trường Tiểu học vẫn là một môi trường hoàn toàn mới, tiếng Việt là một ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ. Sự tồn tại của tình trạng này trong đời sống các em là do điều kiện sử dụng ngôn ngữ trong đời sống sinh hoạt cộng đồng, là do tâm lý sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ rất tự nhiên, bản năng. Những buổi sinh hoạt cộng đồng, những lần hội họp, người địa phương chỉ sử dụng ngôn ngữ mẹ

để. Họ ngại sử dụng tiếng Việt, có lẽ vì vốn kiến thức về tiếng Việt ở họ quá ít ỏi, cũng có lẽ vì bản năng ngôn ngữ mẹ đẻ thường trực trong họ. Mọi người trong địa phương rất ít khi nói tiếng Việt với nhau.

Vì thế khi giao tiếp bằng tiếng Việt học sinh dân tộc thiểu số sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

1.2.3.2. Đặc điểm về tính cách

Với học sinh người dân tộc thiểu số lối sống chân thật, chất phác, giản dị và đoàn kết... là nét đặc trưng tâm lý của học sinh nơi đây. Nhiều học sinh Tiểu học người dân tộc không có sự hồn nhiên của tuổi trẻ, không chỉ có "ngày hai buổi đến trường", các em còn phải miệt mài giúp gia đình đi cấy, đi gặt, trồng ngô,...lo cho cuộc sống vật chất của gia đình đang chật vật, thiếu thốn. Các em học sinh người dân tộc thiểu số thường nhút nhát, rụt rè, chân thật... được biểu hiện cụ thể:

- Học sinh dân tộc thiểu số thường nhút nhát, ít khi chơi với các bạn khác. Do nhút nhát nên các em không dám nói chuyện với bạn bè, thầy cô và những người xung quanh. Tính tình ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng giao tiếp của các em.

- Tính tự ti cộng với khả năng diễn đạt tiếng phổ thông còn hạn chế, nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần quá thấp so với học sinh Kinh, tạo cho các em tâm lý khó hoà đồng.

1.2.3.3. Đặc điểm về nhận thức

Con người là chủ thể nhận thức. Nhận biết về bản thân, về mọi vật xung quanh là sự sống bản năng của con người. Người dân tộc thiểu số luôn ý thức về nguồn gốc, về điều kiện sống, hoàn cảnh sống của mình. Chính điều này đã khiến cho học sinh Tiểu học dân tộc thiểu số tiếp nhận những kiến thức về tiếng Việt khó khăn, tạo rào cản ngăn cách hoạt động sống của các em với môi trường xã hội rộng lớn, làm cho các em khó tiếp xúc, hòa nhập cộng đồng.

Học sinh người dân tộc thiểu số sẽ có những nhận thức về thế giới bên ngoài, về cuộc sống bên ngoài hơn học sinh người dân tộc Kinh vì các em được tiếp xúc với

Ví dụ: Học sinh người dân tộc Kinh khó phân biệt cây mía và cây sậy vì các em chưa được tiếp xúc với cây sậy, không biết đặc điểm đặc trưng của cây sậy khác với cây mía như thế nào. Còn học sinh dân tộc thiểu số, do các em từ nhỏ đã phải đi làm để phụ giúp cha mẹ, được tiếp xúc với cây sậy và cây mía nên các em sẽ dễ nhận ra.

Tri giác thường gắn với hành động, với hoạt động thực tiễn: các em phải được cầm nắm, sờ mó sự vật thì tri giác sẽ tốt hơn.

Tọa duy của học sinh dân tộc thiểu số là tọa duy cụ thể, mang tính hình thức, dựa vào đặc điểm bên ngoài.

Các em học sinh dân tộc thiểu số không được tiếp xúc nhiều với truyền thông, internet... nên trí tưởng tượng của các em còn hạn chế

1.2.4. Khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên

1.2.4.1. Khái niệm khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên

Từ khái niệm về KKTL, KKTL trong giao tiếp, đặc điểm tâm lý của HSĐTTS chúng tôi hiểu KKTL trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên chính là: *Khó khăn trong hoạt động giao tiếp giữa học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên, hoạt động giao tiếp đó chịu nhiều ảnh hưởng của các yếu tố mang tính chất tiêu cực như điều kiện, môi trường, phương tiện và cả yếu tố xuất phát từ bản thân cá nhân học sinh đó khi tham gia giao tiếp như nhận thức, ngôn ngữ, vốn kinh nghiệm. Bởi học sinh dân tộc thiểu số muốn giao tiếp tốt phải có nhiều nỗ lực và sự giúp đỡ, biện pháp của giáo viên.*

Đặc điểm cơ bản:

- Khi giao tiếp học sinh người dân tộc thiểu số gặp phải những khó khăn, những mặc cảm, sợ hãi, lo lắng khi giao tiếp với giáo viên, học sinh tự đánh giá thấp mình, các em không tự tin khi đứng trước tập thể, người khác, khi muốn nói hay thắc mắc một vấn đề gì với cô giáo thì các em rất khó nói, sợ hãi.

- Tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai của các em nên nhiều khi các em chỉ nói chuyện với các bạn cùng dân tộc, các em không thể nói ra được suy nghĩ của mình với cô giáo....

- Điều kiện, phương tiện, môi trường... là những yếu tố có ảnh hưởng gián tiếp đến tiến trình hoạt động giao tiếp của con người.

- Các mặt ngôn ngữ, tình cảm, vốn kinh nghiệm, nhận thức... cũng là một trong các mặt có ảnh hưởng tới quá trình giao tiếp của học sinh.

1.2.4.2. Biểu hiện khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số Trong các công trình nghiên cứu về khó khăn trong giao tiếp, tùy theo

nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài mà tác giả chỉ ra những khó khăn trong giao tiếp cụ thể trên một căn cứ nhất định. Ở đề tài này, từ việc nghiên cứu các tài liệu khoa học về vấn đề khó khăn trong giao tiếp, từ thực tiễn quan sát, quá trình khảo sát thực tiễn, tôi phát hiện một số khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số như sau:

- *Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác:* Đây là hiện tượng hay xuất hiện ở học sinh người dân tộc thiểu số nhất là khi tham gia vào các hoạt động tập thể. Các em khi giao tiếp ngại ngùng, lúng túng.

- *Khó khăn khi diễn đạt ý nghĩ của mình:* Do nói tiếng Việt chưa thành thạo nên đây là trở ngại phổ biến của học sinh người dân tộc thiểu số. Biểu hiện của khó khăn này là học sinh trình bày thiếu rõ ràng, ngôn ngữ không mạch lạc, khó hiểu, không thoát ý....

- *Chỉ giao tiếp với các bạn cùng dân tộc*: Vì ngôn ngữ khác nhau nên học sinh người dân tộc thiểu số rất ít giao tiếp với các bạn dân tộc khác trong lớp, các em thường tự chơi với nhau và giao tiếp với nhau bằng ngôn ngữ của dân tộc mình.

- *Thiếu chủ động trong giao tiếp*: Khó khăn này làm cho học sinh có tâm thế tiêu cực thụ động.

- *Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp*: Học sinh không tin tưởng vào bản thân, rất sợ mình nói sai, nói không đúng.

- *Sợ người khác chê cười mình*.

- *không có sự chủ động trong giao tiếp*.

Trên đây là ý kiến của tôi về những khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số.

1.2.5. Nguyên nhân của khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số

Việc tìm hiểu nguyên nhân gây khó khăn trong giao tiếp của học sinh là một vấn đề không đơn giản. Từ việc điều tra, quan sát nghiên cứu về khó khăn trong giao tiếp, từ thực tế bản thân là một người con dân tộc. Chúng tôi cho rằng có hai nhóm nguyên nhân gây gây khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên, đó là: Nguyên nhân chủ quan (yếu tố bên ngoài) và nguyên nhân khách quan (yếu tố bên trong).

Nguyên nhân chủ quan

- Vốn từ ngữ, ngôn ngữ hạn chế.
- Mặc cảm vì mình là người dân tộc thiểu số.
- Ít tiếp xúc với thế giới bên ngoài.
- Kỹ năng giao tiếp hạn chế.

- Không có kinh nghiệm giao tiếp với những người nói tiếng phổ thông.
- Mặc cảm về khả năng học tập của bản thân.

- Mặc cảm về hình thức: trang phục....
- Sợ nói không đúng sẽ làm phật ý đối tượng giao tiếp.
- Khép mình, không muốn giao tiếp. Tính tình nhút nhát.
- Không có điều kiện để giao tiếp với giáo viên.
- Thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp.
- Sợ nói không đúng.

Nguyên nhân khách quan

- Do bị phân biệt đối xử vì mình là người dân tộc thiểu số.
- Môi trường giao tiếp bị hạn chế
- Sự khác biệt về văn hoá, phong tục của mỗi dân tộc.
- Do sự thiếu quan tâm của giáo viên và các bạn cùng lớp.
- Do thời gian giao tiếp ít vì thời gian học ở trường chỉ có một buổi còn khi về nhà thì lại nói bằng tiếng dân tộc của mình.
- Do các bạn người dân tộc Kinh không thích chơi với các bạn người dân tộc thiểu số.
- Gia đình chưa hiểu rõ nhu cầu giao tiếp của bản thân các em.

Có rất nhiều nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan gây khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số đòi hỏi phải có những tác động đúng đắn, phù hợp. Điều đó cho thấy tính chất phức tạp của vấn đề trở ngại tâm lý trong giao tiếp với giáo viên và việc khắc phục nó là điều không hề đơn giản.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người và người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau và ảnh hưởng tác động qua lại với nhau. Hay nói cách khác đi giao tiếp xác lập và vận hành các quan hệ giữa người và người, hiện thực hoá các quan hệ xã hội giữa các chủ thể này với các chủ thể khác.

Khó khăn tâm lý trong giao tiếp là những đặc điểm tâm lý và phong cách thức hành động của chủ thể, thể hiện sự không phù hợp giữa nhận thức, thái độ, hành vi ứng xử của chủ thể với nội dung, đối tượng, hoàn cảnh giao tiếp làm gián đoạn hoặc cản trở quá trình giao tiếp đạt hiệu quả.

Khó khăn trong giao tiếp là một hiện tượng tâm lý khá phổ biến ở chủ thể trong quá trình giao tiếp, được thể hiện ở 3 mặt: Nhận thức, xúc cảm - tình cảm và hành vi ứng xử.

Đặc điểm của học sinh Tiểu học người dân tộc thiểu số.

- Đặc điểm về ngôn ngữ
- Đặc điểm về tính cách
- Đặc điểm về nhận thức

Biểu hiện khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số: Không tự tin, e ngại trước tập thể; Khó khăn khi diễn đạt suy nghĩ của mình....

Nguyên nhân gây khó khăn trong giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số gồm có: Nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KHÓ KHĂN TRONG GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH LỚP 4 NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI GIÁO VIÊN TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG TIẾN, HUYỆN VỊ XUYÊN, TỈNH HÀ GIANG

2.1. Sơ lược về khách thể nghiên cứu

Hà Giang là một tỉnh địa đầu của tổ quốc, có đa dân tộc, đa văn hoá, có 23 dân tộc anh em sinh sống. Hiện nay, Hà Giang vẫn là một tỉnh nghèo cần có sự quan tâm của đảng và nhà nước.

Xã Phương Tiến là một xã thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, xã còn rất khó khăn với chủ yếu là người dân tộc sinh sống, hoàn cảnh gia đình còn nhiều khó khăn chủ yếu là làm nông và trồng trọt. Trình độ dân trí của người dân còn thấp, nhiều thôn trong xã đường giao thông đi lại khó khăn, cách xa trung tâm xã.

Trường Tiểu học Phương Tiến một trường nhỏ nằm ở xã Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, trường chủ yếu là các em trong địa bàn xã theo học.

Về đội ngũ cán bộ giáo viên trong trường:

- Ban giám hiệu: 2 người.
- Giáo viên đứng lớp có: 17 giáo viên. Trong đó có 12 giáo viên chủ nhiệm, và 5 giáo viên bộ môn.
- Cán bộ khác trong trường: 5 người.

Về học sinh: Trong năm học 2013-2014 toàn trường có 379 học sinh, chia thành 12 lớp từ lớp 1 đến lớp 5.

Trong đó:

- + Lớp 1: 2 lớp

+ Lớp 2: 3 lớp

+ Lớp 3: 3 lớp

+ Lớp 4: 2 lớp

+ Lớp 5: 2 lớp

85% học sinh trong trường là người dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc Tày và dân tộc Dao.

Về cơ sở vật chất: Nhà trường có cơ sở vật chất khá đầy đủ, khang trang thuận lợi cho việc dạy và học, có 2 dãy nhà 2 tầng và 1 dãy nhà cấp 4. Có đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho giáo viên. Trường nằm ở trung tâm xã, gần với UBND xã Phương Tiến, gần với trạm y tế xã.

2.2. Thực trạng khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số trường Tiểu học Phương Tiến - Vị Xuyên - Hà Giang

Trong chương này tôi sẽ tiến hành phân tích kết quả nghiên cứu để làm rõ khó khăn trong giao tiếp với giáo viên của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số ở trường Tiểu học Phương Tiến, xã Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Khách thể nghiên cứu là 65 học sinh lớp 4 trường Tiểu học Phương Tiến, có 30 học sinh lớp 4A và 35 học sinh lớp 4B. Trong 65 học sinh chúng tôi tiến hành nghiên cứu 53 học sinh người dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc Tày và dân tộc Dao và 12 học sinh người dân tộc Kinh để so sánh.

2.2.1. Đánh giá của học sinh về khó khăn trong tâm lý khi giao tiếp với giáo viên trường Tiểu học Phương Tiến - Vị Xuyên - Hà Giang

Để tìm hiểu thực trạng về quá trình tự đánh giá về khó khăn trong tâm lý của học sinh với giáo viên. Tôi tiến hành quan sát, trao đổi trò chuyện trực tiếp với học sinh, đồng thời tiến hành dùng phiếu trong câu ý kiến, để hỏi ý kiến học sinh, kết quả thu được như sau:

Bảng 1: Tự đánh giá của học sinh về những trở ngại tâm lý khi giao tiếp với giáo viên

Câu hỏi	Học sinh người dân tộc thiểu số				Học sinh người dân tộc Kinh			
	Có		Không		Có		Không	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khi giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt em có gặp khó khăn tâm lý không?	52	98,1	1	1,9	10	83,3	2	16,6

Kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy, đa số học sinh đều cho rằng các em gặp trở ngại tâm lý khi giao tiếp với giáo viên. So sánh giữa học sinh người dân tộc thiểu số với học sinh người dân tộc Kinh có sự khác biệt. Học sinh người dân tộc thiểu số gặp trở ngại tâm lý khi giao tiếp với giáo viên hơn học sinh người dân tộc Kinh. Cụ thể: 98,1% học sinh người dân tộc thiểu số cho rằng bản thân gặp khó khăn khi giao tiếp với giáo viên. Trong khi đó học sinh người dân tộc Kinh có 83,3% cho rằng bản thân gặp trở ngại tâm lý khi giao tiếp với giáo viên và có tới 16,6% Cho rằng không gặp trở ngại.

Có sự khác biệt đó là vì môi trường sống, phạm vi giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số không thuận lợi như học sinh người dân tộc Kinh. Ở địa phương, ở nhà hầu như các em học sinh dân tộc thiểu số chỉ giao tiếp với mọi người bằng tiếng của dân tộc mình, có nhiều học sinh còn ở những bản làng khó khăn chưa có các phương tiện truyền thông.

Bảng 2: Tần số xuất hiện trở ngại tâm lý trong giao tiếp của học sinh với giáo viên

Khó khăn tâm lý trong giao tiếp	Học sinh người dân tộc thiểu số						Học sinh người dân tộc Kinh					
	Thường xuyên		Đôi khi		Không bao giờ		Thường xuyên		Đôi khi		Không bao giờ	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	15	28,3	37	69,9	1	1,89	3	25	7	58,3	2	16,7

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Tần số xuất hiện khó khăn tâm lý của học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên khi giao tiếp bằng tiếng Việt cao hơn so với học sinh người dân tộc Kinh.

- Ở mức độ thường xuyên: Học sinh người dân tộc thiểu số chiếm 28,3%, học sinh người dân tộc Kinh chiếm 25%.

- Ở mức độ đôi khi: Học sinh người dân tộc thiểu số chiếm 69,9%, học sinh người dân tộc Kinh chiếm 58,3%.

- Ở mức độ không bao giờ: Học sinh người dân tộc thiểu số chiếm 1,89%, học sinh người dân tộc Kinh chiếm 16,7%.

2.2.2. Biểu hiện khó khăn tâm lý trong giao tiếp với giáo viên của học sinh

Để có cái nhìn khách quan và đầy đủ về những khó khăn trong giao tiếp với giáo viên của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên bằng tiếng Việt tôi dùng câu hỏi số 2 (Phụ lục 1) trong phiếu trưng cầu ý kiến.

Bảng 3: Những khó khăn trong giao tiếp của học sinh khi giao tiếp
với giáo viên

STT	Biểu hiện khó khăn tâm lý	HS người dân tộc thiểu số		HS người dân tộc Kinh	
		—	TB	—	TB
1	Lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm.	2,10	7	2,10	1
2	Lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên.	1,90	10	1,58	10
3	Căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi	1,94	9	1,20	11
4	Khó nói khi muốn thắc mắc với giáo viên 1 điều gì đó	2,22	3	2,08	3
5	Khó trình bày lời nói của mình với giáo viên	2,16	4	1,75	8
6	Sợ thầy cô giáo hiểu lầm	1,96	8	1,75	9
7	Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác	2,15	5	1,91	5
8	Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp	1,88	11	2,10	2
9	Khó diễn đạt suy nghĩ của mình	2.26	2	1,66	7
10	Sợ thầy cô giáo đánh giá không biết giao tiếp	2.13	6	2,00	4
11	Thiếu chủ động trong giao tiếp	2,30	1	1,75	6

(**Ghi chú** : Điểm trung bình. Khó khăn trong giao tiếp của học sinh được chia ra làm 3 mức độ: Thường xuyên = 3 điểm, thỉnh thoảng = 2 điểm,

không bao giờ = 1 điểm. Điểm càng cao thì khó khăn trong giao tiếp của học sinh càng lớn).

Kết quả phản ánh ở bảng 3 cho thấy: Trong 11 khó khăn tâm lý của học sinh người dân tộc thiểu số gặp phải khi giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt mà tôi đưa ra được học sinh đánh giá ở các thứ bậc khác nhau.

- Khó khăn thứ 11 “*Thiếu chủ động trong giao tiếp*” xếp vị trí thứ 1 có $\bar{x} = 2,3$. Ở học sinh người dân tộc Kinh xếp vị trí thứ 6. Bảng quan sát cho thấy biểu hiện của khó khăn này là sự thụ động, thờ ơ ngại ngùng, sợ giao tiếp, ít tích cực tham gia vào các hoạt động chung của lớp, trong giờ học ít phát biểu ý kiến xây dựng bài. Nhiều học sinh ngoài giờ học chỉ giao tiếp với các bạn là người dân tộc thiểu số, ít giao tiếp với các bạn là người dân tộc Kinh. Khi trò chuyện với nhau chỉ nói bằng tiếng dân tộc. Học sinh Tojong Văn On cho biết “*Chỉ khi nào các bạn và thầy cô nói chuyện với em em mới trả lời lại*”.

- Khó khăn 9 “*Khó diễn đạt suy nghĩ của mình*” có $\bar{x} = 2,26$ xếp vị trí thứ 2. Ở học sinh người dân tộc Kinh xếp vị trí thứ 7. Điều này cho thấy trong quá trình giao tiếp, sự tham gia của ngôn ngữ góp phần rất quan trọng để tạo nên hiệu quả của quá trình giao tiếp. Đối với học sinh người dân tộc thiểu số việc sử dụng tiếng Việt để học tập và giao tiếp nhẹ là ngôn ngữ thứ 2. Kết hợp với quá trình quan sát trong nghiên cứu cũng nhẹ chính bản thân tôi cũng là một người thuộc dân tộc thiểu số, tiếp xúc nhiều với các em cho thấy nhiều học sinh trong giờ học được gọi lên trình bày, trả lời câu hỏi,... học sinh thể hiện khả năng diễn đạt rất hạn chế, nói không rõ ràng. Giáo viên nhiều khi không “đọc” được nội dung giao tiếp của các em.

Nguyên nhân có thể là do tiếng Việt của các em hạn chế, đôi khi nói lệch sang tiếng dân tộc. Trao đổi với học sinh Lý Văn Đông, lớp 4A em cho biết “*Có nhiều khi em biết được mà không diễn đạt bằng lời được vì tiếng Việt của em còn hạn chế nhiều khi nói lộn cả tiếng dân tộc*”.

- Khó khăn 4 “*Khó nói khi muốn thắc mắc với giáo viên 1 điều gì đó*”

— = 2,22 xếp vị trí thứ 3. Trở ngại này được học sinh người dân tộc Kinh xếp vị trí 3. Đối với khó khăn này thì tất cả các em học sinh đều có một tâm lý

chung. Khi giáo viên giảng bài choa kỹ hoặc giáo viên “nhầm lẫn” trong việc chép đề, đặt câu hỏi hay chữa bài thì chỉ có các em khá, giỏi có phản ứng linh hoạt với các môn học thì lập tức sẽ thắc mắc lại với giáo viên.

- Khó khăn 5 “*Khó trình bày lời nói với của mình với giáo viên*” được

—
học sinh xếp ở vị trí thứ 4 có = 2,16 còn đối với học sinh người Kinh khó khăn này xếp vị trí thứ 8.

Tâm lý “Ngại nói” với giáo viên thường xuất hiện trong một số trường hợp nhỏ đang trong giờ học mà xin phép cô giáo ra khỏi chỗ ngồi, để quên sách vở ở hoặc đồ dùng học tập ở nhà, quên không làm bài tập hoặc làm bài tập sai. Khi đó, học sinh thường đưa ra một số lý do mà theo học sinh là có tính thuyết phục nhất để trình bày với giáo viên. Nhưng đối với học sinh người dân tộc thiểu số có thể do học sinh đó sợ ý kiến của mình không đúng, cũng do ngôn ngữ của học sinh người dân tộc còn hạn chế nên HS không thể diễn đạt chính xác những điều mình muốn nói.

—
- Khó khăn 6 “*Sợ thầy cô giáo hiểu lầm*” đứng vị trí thứ 8, = 1,96. Đa số học sinh đều cho rằng khi giao tiếp với các thầy cô ở địa phương, nhất là cùng dân tộc thì cảm thấy thuận lợi hơn vì có ngôn ngữ chung. Khi nói chuyện với giáo viên HS thường sợ mình nói sai, không đúng điều mình định nói.

—
- Khó khăn 3 “*Căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi*”, = 1,94, xếp ở vị trí thứ 9, trong khi đó ở học sinh người dân tộc Kinh đứng ở vị trí thứ

11. Khi tiến hành điều tra với cả học sinh người dân tộc thiểu số và cả học

sinh người dân tộc Kinh, đối với những em học sinh có học lực yếu hơn so với các bạn khác thường sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi, thường có những câu trả lời sai khi đứng lên trả lời câu hỏi của cô. Trong một số trường hợp,

trẻ cảm thấy lúng túng là do khi ngồi học không chú ý nghe giảng, không hiểu nội dung của bài hoặc đối với học sinh người dân tộc thiểu số, do vốn ngôn ngữ còn hạn chế nên khi giáo viên đưa ra một câu hỏi khó mà không giải thích cụ thể về câu hỏi đó thì HS thường lúng túng khi đứng lên trả lời do chưa hiểu rõ nội dung câu hỏi mà giáo viên đưa ra.

- Khó khăn 2 “*Lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên*”

= 1,9 xếp vị trí thứ 10 và đối với học sinh người dân tộc Kinh cũng vậy

= 1,58 cũng xếp vị trí thứ 10. Đây chính là tâm lý chung của học sinh TH, các em lúng túng khi giao tiếp với giáo viên, các em không biết nói gì khi giao tiếp với giáo viên, hầu như khi giao tiếp giáo viên hỏi gì thì các em trả lời câu đấy.

- Khăn khăn 8 “*Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp*” = 1,88 xếp ở vị trí thứ

11. Đối với học sinh người dân tộc thiểu số việc “Sai lầm trong giao tiếp” không chỉ ở quá trình phản ánh không đúng nội dung giao tiếp mà còn cả việc phát âm tiếng Việt không đúng. Do vốn tiếng Việt còn hạn chế nên nhiều khi giao tiếp với giáo viên và các bạn khác các em nói tiếng Việt bị lệch sang tiếng địa phương. Biểu hiện này khi quan sát cho thấy các em phát âm không rõ ràng, mất dấu, không đúng ngữ pháp, nói ngọng và lẫn lộn giữa tiếng Việt và tiếng dân tộc mình. Nhiều học sinh nói “*Nhiều khi em muốn giơ tay nhưng lại sợ phát biểu không đúng, sợ nói sai*”.

So sánh giữa học sinh người dân tộc thiểu số và học sinh người dân tộc Kinh tôi thấy: Có một số khó khăn tâm lý trong giao tiếp với giáo viên của các em tương đối giống nhau. Trong đó khó khăn “Lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên” đều được xếp ở vị trí thứ 10 và khó khăn “Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác” đều xếp ở vị trí thứ 5.

Như vậy, qua bảng 3 chúng ta đã đánh giá được một cách khái quát về thực trạng những khó khăn tâm lý ở học sinh người dân tộc thiểu số khi giao tiếp với giáo viên.

Bảng 4: Những khó khăn trong giao tiếp của học sinh khi giao tiếp với giáo viên (Xét theo giới tính)

STT	Biểu hiện khó khăn tâm lý	HS nữ người dân tộc thiểu số		HS nam người dân tộc thiểu số	
		—	TB	—	TB
1	Lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm.	1,75	7	1,80	9
2	Lúng túng, ngại ngùng khi tiếp xúc với giáo viên.	2,00	4	2,22	4
3	Căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi	2,13	3	2,37	2
4	Khó nói khi muốn thắc mắc với giáo viên 1 điều gì đó	2,26	2	2,48	1
5	Khó trình bày lời nói của mình với giáo viên	1,88	5	2,05	5
6	Sợ thầy cô giáo hiểu lầm	1,70	8	1,75	11
7	Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác	1,68	9	1,77	10
8	Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp	1,83	6	1,95	6
9	Khó diễn đạt suy nghĩ của mình	1,66	10	1,92	7
10	Sợ thầy cô giáo đánh giá không biết giao tiếp	1,63	11	1,81	8
11	Thiếu chủ động trong giao tiếp	2,34	1	2,26	3

Mức độ biểu hiện các khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh với giáo viên giữa nam và nữ là khác nhau: Kết quả phản ánh ở bảng 4 cho thấy đặc điểm về giới tính có ảnh hưởng đến mức độ và thứ bậc các khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh. Nhìn nhận một cách tổng thể mức độ khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh với giáo viên, đối với học sinh nam người dân tộc thiểu số cao hơn đối với học sinh nữ người dân tộc thiểu số.

Mức độ khác biệt của từng khó khăn giữa học sinh nam và học sinh nữ không có sự khác biệt lớn lắm. Sự khác biệt chỉ có ở các trở ngại 1, 6, 7, 9,

10. Các khó khăn còn lại có sự tương đồng với nhau.

Tóm lại: Đặc điểm về giới tính có tác động đến các khó khăn tâm lý khi giao tiếp.

2.2.3. Nguyên nhân của những khó khăn tâm lý trong giao tiếp với giáo viên của học sinh người dân tộc thiểu số

Khó khăn tâm lý là một hiện tượng tâm lý là một hiện tượng tâm lý ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của con người, nó làm giảm đáng kể kết quả của hành động. Việc tác động vào nó để giảm mức độ khó khăn tâm lý của học sinh là việc làm cần thiết. Muốn tác động vào một hiện tượng tâm lý nào đó chúng ta cần tìm hiểu nguyên nhân nào tạo ra nó để tác động có hiệu quả, tích cực. Vì vậy, để tìm hiểu nguyên nhân nào gây nên các trở ngại tâm lý cho học sinh người dân tộc thiểu số tôi dùng câu hỏi 3 (Phụ lục 1). Kết quả thu được như sau:

Bảng 5: Nguyên nhân gây ra các khó khăn tâm lý của học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên

STT	Những nguyên nhân	Học sinh người dân tộc thiểu số		Học sinh người dân tộc Kinh	
		—	TB	—	TB
Nguyên nhân chủ quan					
1	Thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp.	2,67	2	2,08	3
2	Mặc cảm về hoàn cảnh xuất thân	2,47	7	1,70	7
3	Khả năng giao tiếp hạn chế	2,49	6	1,91	5
4	Vốn tiếng Việt hạn chế	2,90	1	2,00	4
5	Mặc cảm về khả năng học tập	2,50	5	1,65	8
6	Không hiểu biết về văn hoá của các dân tộc khác	2,05	9	1,71	6
7	Sợ nói không đúng	2,52	4	2,16	2
8	Do luôn có cảm giác thua kém các bạn	2,39	8	1,50	9
9	Tính tình nhút nhát	2,64	3	2,41	1
Nguyên nhân khách quan					
1	Môi trường giao tiếp hạn chế thiếu thông tin	2,62	4	2,17	4
2	Ít có các hoạt động chơi chung	2,71	3	2,10	6
3	Các bạn trong lớp không thích chơi với các bạn người dân tộc thiểu số	2,41	8	1,66	8
4	Thời gian ngoài giờ học quá ngắn	2,47	6	2,41	2
5	Giáo viên đối xử với học sinh chưa thực sự công bằng	2,35	9	2,25	3

6	Do không được quan tâm	2,77	2	2,58	1
7	Gia đình chưa hiểu rõ nhu cầu giao tiếp của bản thân em.	2,52	5	2,16	5
8	Ít có cơ hội nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người	2,96	1	-	-
9	Do bị phân biệt đối xử	2,45	7	1,75	7

(**Ghi chú :** Điểm trung bình. Nguyên nhân khó khăn trong giao tiếp của học sinh được chia ra làm 3 mức độ: Nhiều = 3 điểm, ít = 2 điểm, không bao giờ = 1 điểm. Điểm càng cao thì khó khăn trong giao tiếp của học sinh càng lớn)

Nhìn vào bảng 4, chúng ta thấy có 18 nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan gây nên các khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên trường Tiểu học Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

2.2.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Có 9 nguyên nhân chủ quan gây nên các trở ngại tâm lý trong giao tiếp với giáo viên của học sinh người dân tộc thiểu số. Mức độ ảnh hưởng của từng nguyên nhân đến quá trình giao tiếp là khác nhau.

- Nguyên nhân được học sinh đánh giá quan trọng nhất là nguyên nhân số 4 “Vốn tiếng Việt hạn chế”. Đây là nguyên nhân được học sinh người dân

tộc thiểu số xếp vị trí đầu tiên, = 2,90. So sánh giữa học sinh người dân tộc Kinh thì nguyên nhân này có sự chênh lệch về vị trí đáng kể. Học sinh người Kinh xếp vị trí thứ 4. Vậy điều này sẽ được giải thích như thế nào?

Đối với người dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với người cùng dân tộc với mình họ thường dùng tiếng mẹ đẻ của mình để giao tiếp, để thực hiện các mối quan hệ. Có thể khẳng định học sinh người dân tộc thiểu số giao tiếp với

giáo viên bằng tiếng Việt là sử dụng ngôn ngữ thứ hai. Nên để học những kiến thức khoa học, các em cảm thấy khó khăn.

Đối với các em học sinh người dân tộc thiểu số các em hay bị nói ngọng, nhầm lẫn giữa dấu ngã và dấu sắc. Ví dụ như: *con ngỗng - con ngóng*. Nhiều khi học trên lớp, nhiều học sinh còn nói lệch sang tiếng địa phương hoặc không đúng ngữ pháp. Học sinh Lý Văn Quân người dân tộc Dao nói: “*Học tiếng Việt và nói tiếng Việt rất khó vì đó là ngôn ngữ thứ 2*”.

- Nguyên nhân được các em học sinh người dân tộc thiểu số xếp thứ 2

= 2,67, “*Thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp*”. Sự hiểu biết của con người là điều kiện quan trọng đảm bảo cho con người thực hiện có hiệu quả hành động. Vốn kinh nghiệm sống của mỗi cá nhân được hình thành trong quá trình cá nhân tham gia một cách tích cực vào hoạt động và giao tiếp.

Để thực hiện có hiệu quả quá trình giao tiếp, cá nhân phải có khả năng sử dụng và phối hợp những kỹ năng giao tiếp. Hiểu biết về đối tượng là điều kiện hết sức cần thiết giúp học sinh đó có thể giao tiếp phù hợp.

- Nguyên nhân “*Tính tình nhút nhát*” được các em xếp ở vị trí thứ 3, với

= 2,64 còn các em người dân tộc Kinh xếp ở vị trí thứ 1. Đối với các em kể cả học sinh dân tộc thiểu số và dân tộc Kinh tính tình ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng giao tiếp của các em. Một số học sinh nhút nhát, ít khi chơi cùng các bạn khác có thể là do nhiều nguyên nhân khác nhau. Do nhút nhát nên các em không dám giao tiếp, nói chuyện với bạn bè, thầy cô và mọi người xung quanh, điều này ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng giao tiếp của các em.

—

- Nguyên nhân “*Sợ nói không đúng*” xếp vị trí thứ 4, = 2,52.

Qua quan sát tôi thấy có rất nhiều em trong giờ học thường không bao giờ giơ tay phát biểu ý kiến, khi giáo viên đưa ra câu hỏi các em thường cúi mặt xuống bàn để tránh cái nhìn của cô giáo về mình. Có thể là do các em

không hiểu bài, không hiểu câu hỏi của cô giáo, nhưng cũng có học sinh không phải vì không hiểu bài, không tìm ra câu trả lời, mà vì các em sợ câu trả lời của mình không đúng, sẽ bị các bạn cợt nhả. Dần dần các em sẽ thu mình lại và vì thế ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động giao tiếp.

- Nguyên nhân được xếp vị trí thứ 5 là “*Mặc cảm về khả năng học tập*”

— = 2,50. Tâm lý chung của bất kì đứa trẻ nào là luôn sợ mình thua kém các bạn. Đối với học sinh người dân tộc thiểu số, có nhiều gia đình còn gặp nhiều khó khăn, cho nên ngoài giờ học các em còn phải làm việc giúp đỡ gia đình thời gian tự học của các em là rất ít. Vì thế, khả năng học tập của các em cũng bị giảm sút và thua kém các bạn khác trong lớp.

- Nguyên nhân thứ 6 là “*Khả năng giao tiếp hạn chế*” với — = 2,49

Kỹ năng giao tiếp là khả năng nhận thức nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lý bên trong của đối tượng và bản thân chủ thể giao tiếp, là khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức điều chỉnh, điều khiển quá trình giao tiếp đạt mục đích.

- “*Mặc cảm về hoàn cảnh xuất thân*” là nguyên nhân được xếp thứ 7,

— = 2,47. Học sinh người dân tộc thiểu số tham gia học tập ở lớp 4 trường Tiểu học Phương Tiến chiếm tỷ lệ cao hơn so với học sinh người dân tộc

Kinh. Các điều kiện sống, sinh hoạt, học tập của một số em khó khăn. Các em luôn mặc cảm mình là người dân tộc thiểu số. Vì nơi các em học đa số là người dân tộc thiểu số, các em có sự đồng cảm, cùng hoàn cảnh nhau để chia sẻ. Khi đi học các em mặc cảm mình là người dân tộc thiểu số có nhiều mặt thua kém bạn bè. Nên khi giao tiếp với các bạn, với thầy cô giáo các em thường lo lắng thầy cô sẽ định kiến, phân biệt đối xử...

Giáo viên trong khi giao tiếp với các em cần làm thay đổi nhận thức của các em bằng hành động chân tình, cởi mở, đồng cảm giúp các em xoá dần mặc cảm tự ti.

- Các nguyên nhân khác như:

- + “Do luôn có cảm giác thua kém các bạn” xếp vị trí thứ 8, $\bar{} = 2,39$.
- + “Không hiểu về văn hoá các dân tộc khác” xếp vị trí thứ 9, $- = 2,05$.

Đây là những nguyên nhân thứ yếu nhưng cũng có ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp giữa học sinh và giáo viên.

Nhìn chung các nguyên nhân chủ quan ở mỗi nguyên nhân có mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp giữa giáo viên và học sinh khác nhau.

2.2.3.2. Nguyên nhân khách quan.

Có 9 nguyên nhân:

- Nguyên nhân “Ít có cơ hội nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người” $- = 2,96$ được xếp ở vị trí đầu tiên.

Ít có cơ hội nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người là nguyên nhân lớn nhất gây nên khó khăn trong giao tiếp của các em. Môi trường sống giao tiếp của các em chủ yếu bó hẹp ở nơi thôn bản và người dân tộc với nhau nên khiến các em ít có điều kiện, cơ hội tiếp xúc, nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người. Vì vậy, khi đến trường, đến lớp các em rất khó khăn khi giao tiếp với giáo viên.

- “Do không được quan tâm” đây là nguyên nhân được xếp vị trí thứ 2 với $- = 2,77$.

Muốn giao tiếp đạt hiệu quả cao thì cần có sự hiểu biết về đối tượng giao tiếp, hiểu biết lẫn nhau để giao tiếp đạt hiệu quả cao hơn. Người giáo viên muốn giao tiếp thành công với học sinh cần phải hiểu rõ về đặc điểm tâm lý của các em, phải tạo được mối quan hệ tốt đẹp trong quá trình giao tiếp, phải tạo được sự gần gũi, thân mật, gắn bó với học sinh. Ở trường Tiểu học Phong Tiến có rất nhiều giáo viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm, lại là giáo viên từ nơi khác đến nên sự hiểu biết về học sinh còn rất hạn chế. Đối với học sinh dân tộc thiểu số giáo viên cần quan tâm tới các

em hơn để các em có được một tâm lý tự tin thoải mái khi giao tiếp với giáo viên.

- Nguyên nhân “*Ít có hoạt động chơi chung*” là nguyên nhân xếp vị trí

—
thứ 3, $\bar{x} = 2,74$.

Tính chất dạy học ở bậc Tiểu học là mỗi giáo viên dạy rất nhiều môn trong chương trình giảng dạy, có khi kể cả các môn phụ nếu không có giáo viên riêng. Quá trình giao tiếp giữa giáo viên và học sinh chủ diễn ra chủ yếu trên lớp học. Hoạt động giao tiếp ngoài giờ giữa giáo viên và học sinh rất ít. Trong thời đại đổi mới này, số lượng kiến thức trên lớp của các em rất lớn, cho nên hầu như thời gian ở trường các em chủ yếu dành cho việc học còn các hoạt động chơi chung giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh người dân tộc thiểu số và học sinh người dân tộc Kinh rất ít. Để khắc phục được nguyên nhân này giáo viên phải biết kết hợp giữa học và chơi. Có thể trong một giờ học giáo viên có thể cho học sinh chơi một trò chơi tập thể nào đó mà cần nhiều sự giao tiếp giữa học sinh với nhau và giữa học sinh với cô giáo về nội dung của bài học. Nhờ thế học sinh vừa có được những kiến thức cần thiết, vừa tăng được khả năng giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số.

- Nguyên nhân “*Môi trường giao tiếp hạn chế thiếu thông tin*” xếp vị trí

—
thứ 4, $\bar{x} = 2,62$.

Đối với người dân tộc thiểu số môi trường giao tiếp hẹp, thông tin hạn chế. Trong các thôn bản hầu như chỉ tồn tại 1 dân tộc sinh sống, chính điều này đã tạo điều kiện cho tiếng nói của mỗi dân tộc tồn tại và được sử dụng trong giao tiếp hằng ngày giữa các thành viên trong gia đình và với mọi người trong thôn bản. Chính vì thế các em ít được giao tiếp bằng tiếng phổ thông với mọi người, chỉ có ở trường, lớp các em mới giao tiếp với các bạn khác, với thầy cô giáo bằng tiếng phổ thông còn khi về nhà thì lại giao tiếp bằng

tiếng dân tộc mình. Hơn nữa, nhiều gia đình còn có hoàn cảnh khó khăn nên các em ít được tiếp xúc với các phương tiện truyền thông, các em chỉ được tiếp xúc với tivi, đài.

- Nguyên nhân “*Gia đình chưa hiểu rõ nhu cầu giao tiếp của bản thân em*” được các em xếp thứ 5, với $\bar{x} = 2,52$.

- “*Thời gian ngoài giờ học quá ngắn*” là nguyên nhân được xếp thứ 7, $\bar{x} = 2,47$. Đối với học sinh ở các nơi phát triển, gia đình có điều kiện thì các em được gia đình tạo điều kiện học hành hơn. Ở trường học thời gian ra chơi chỉ có 20 phút, còn lại là thời gian học tập trên lớp.

- Nguyên nhân “*Do bị phân biệt đối xử*” xếp vị trí thứ 8 với $\bar{x} = 2,45$

- Nguyên nhân “*Giáo viên đối xử với học sinh chưa thực sự công bằng*” $\bar{x} = 2,35$.

2.3. Đánh giá của giáo viên về những nguyên nhân gây nên khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số

Để phục vụ cho việc đánh giá học sinh một cách khách quan hơn, chúng tôi đã thu thập thông tin, số liệu thông qua các bảng hỏi, bảng thống kê số liệu dành cho giáo viên. Số lượng giáo viên tham gia khảo sát gồm 2 giáo viên chủ nhiệm của lớp 4A và 4B.

2.3.1. Đánh giá của giáo viên về khó khăn trong giao tiếp của học sinh

Để có cái nhìn khách quan và đầy đủ về những khó khăn trong giao tiếp với giáo viên của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên bằng tiếng Việt tôi dùng câu hỏi số 1 (Phụ lục 3) trong phiếu trưng cầu ý kiến để lấy ý kiến đánh giá của giáo viên về khó khăn trong giao tiếp của học sinh.

Bảng 6: Đánh giá của giáo viên về những trở ngại tâm lý khi giao tiếp
với giáo viên của học sinh

Câu hỏi	Học sinh người dân tộc thiểu số				Học sinh người dân tộc Kinh			
	Có		Không		C ó		Không	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khi học sinh giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt thì cô thấy các em có gặp khó khăn tâm lý không?	53	100	0	0	10	83,3	2	16,6

Kết quả thu được ở bảng 5 cho thấy, với sự đánh giá của giáo viên đa số học sinh đều gặp khó khăn trong tâm lý khi giao tiếp với giáo viên và ở những mức độ khác nhau. Nhưng có sự khác biệt giữa học sinh người dân tộc Kinh và học sinh người dân tộc thiểu số.

Theo đánh giá của giáo viên thì hầu như tất cả các em học sinh người dân tộc thiểu số đều gặp phải những khó khăn trong giao tiếp, trong đó mỗi em thì gặp những khó khăn riêng. Còn với học sinh người dân tộc Kinh cũng vậy cũng gặp những khó khăn trong giao tiếp chiếm 83,3%.

Các giáo viên cho rằng các em học sinh người dân tộc thiểu số gặp phải những khó khăn trong giao tiếp với giáo viên như vậy là vì môi trường sống, phạm vi giao tiếp của các em không thuận lợi, hầu như các em chỉ ở trong bản làng, các phương tiện truyền thông thiếu thốn, giáo dục của gia đình còn rất hạn chế.

Bảng 7: Tần số xuất hiện trở ngại tâm lý trong giao tiếp của học sinh với giáo viên đối sự đánh giá của giáo viên (Câu hỏi 2 phụ lục 3)

Trở ngại tâm lý trong giao tiếp	Học sinh người dân tộc thiểu số						Học sinh người dân tộc Kinh					
	Thường xuyên		Đôi khi		Không bao giờ		Thường xuyên		Đôi khi		Không bao giờ	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	13	24,5	40	75,5	0	0	2	16,7	8	66,6	2	16,7

Nhìn vào bảng 6 ta thấy, về tần số xuất hiện trở ngại tâm lý của các em học sinh là khác nhau. Học sinh người dân tộc thiểu số và dân tộc Kinh có sự khác biệt. Với học sinh người dân tộc thiểu số giáo viên đánh giá có 24,5% cho rằng học sinh thường xuyên gặp phải những khó khăn trong giao tiếp với giáo viên, có 75,5% học sinh đôi khi mới gặp phải những khó khăn trong giao tiếp và không có học sinh nào không bao giờ gặp phải những khó khăn trong giao tiếp. Còn với học sinh người dân tộc Kinh thì được giáo viên đánh giá có 16,7% học sinh thường xuyên gặp phải những khó khăn trong giao tiếp, có 66,6% là đôi khi gặp phải và số học sinh được giáo viên đánh giá không bao giờ là 16,7%.

Bảng 8: Đánh giá của giáo viên về khó khăn trong giao tiếp của học sinh khi giao tiếp với giáo viên (Câu hỏi 2 phụ lục 3)

STT	Những khó khăn	HS người dân tộc thiểu số		HS người dân tộc Kinh	
		—	TB	—	TB
1	Các em lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm	2,32	4	2,08	4

2	Các em lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên	2,15	8	2,03	5
3	Các em căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi	2,17	7	2,10	3
4	Các em khó nói khi muốn thắc mắc với giáo viên 1 điều gì đó	2,07	10	1,93	7
5	Các em khó trình bày lời nói của mình với giáo viên	2,30	5	1,90	8
6	Các em sợ thầy cô giáo hiểu lầm	1,94	11	1,75	10
7	Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác	2,35	2	2,25	2
8	Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp	2,33	3	2,0	6
9	Khó diễn đạt suy nghĩ của mình	2,22	6	1,83	9
10	Học sinh sợ thầy cô giáo đánh giá không biết giao tiếp	2,13	9	1,66	11
11	Thiếu chủ động trong giao tiếp	2,37	1	2,3	1

(Ghi chú : Điểm trung bình. Khó khăn trong giao tiếp của học sinh được chia ra làm 3 mức độ: Thường xuyên = 3 điểm, thỉnh thoảng = 2 điểm, không bao giờ = 1 điểm. Điểm càng cao thì khó khăn trong giao tiếp của học sinh càng lớn).

Kết quả đánh giá của giáo viên cho thấy trong 11 khó khăn tâm lý mà học sinh gặp phải thì giáo viên đánh giá ở các thứ bậc khác nhau. Những khó khăn mà học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số ở các mức độ như sau:

- Khó khăn “Thiếu chủ động trong giao tiếp” học sinh người dân tộc thiểu số được giáo viên đánh giá ở vị trí đầu tiên, với $\bar{x} = 2,37$ và cả với học sinh người dân tộc Kinh cũng được xếp vị trí đầu tiên $\bar{x} = 2,3$.

- Khó khăn “Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác” xếp vị trí thứ 2, $= 2,35$ và học sinh người dân tộc Kinh cũng xếp vị trí thứ 2 $= 2,25$.
- Khó khăn “Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp” được giáo viên đánh giá ở thứ bậc thứ 3, $= 2,33$, còn học sinh người dân tộc Kinh xếp vị trí thứ 6.
- Khó khăn được giáo viên đánh giá ở thứ bậc thứ 4 là “Các em lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm” $= 2,32$ và học sinh người dân tộc Kinh cũng xếp vị trí thứ 4.
- Khó khăn “Các em khó trình bày lời nói của mình với giáo viên” xếp vị trí thứ 5, với $= 2,30$.
- Khó khăn “Khó diễn đạt suy nghĩ của mình” xếp vị trí thứ 6, $= 2,22$.
- Khó khăn “Các em căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi” được giáo viên đánh giá xếp ở vị trí thứ 7, $= 2,17$.
- Khó khăn “Các em lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên” được giáo viên đánh giá xếp ở vị trí thứ 8, $= 2,15$.
- Khó khăn “Học sinh sợ thầy cô giáo đánh giá không biết giao tiếp” được giáo viên đánh giá xếp ở vị trí thứ 9, $= 2,13$.
- Khó khăn “Các em khó nói khi muốn thắc mắc với giáo viên 1 điều gì đó” được giáo viên đánh giá xếp ở vị trí thứ 10, $= 2,07$.
- Khó khăn “Các em sợ thầy cô giáo hiểu lầm” được giáo viên đánh giá xếp ở vị trí thứ 11, $= 1,94$.

Qua sự đánh giá của giáo viên chúng ta thấy có một số khó khăn khi giao tiếp với giáo viên của học sinh người dân tộc thiểu số và dân tộc Kinh, được

giáo viên xếp ở thứ bậc bằng nhau, trong đó có: Khó khăn "Thiếu chủ động trong giao tiếp" được giáo viên xếp ở thứ bậc đầu tiên; Khó khăn “Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác” xếp thứ 2; Khó khăn “Các em lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm” xếp vị trí thứ 4.

2.3.2. Đánh giá của giáo viên về những nguyên nhân gây nên khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số.

Bảng 9: Đánh giá của giáo viên về nguyên nhân gây nên các khó khăn trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số (Câu hỏi 3 phụ lục 3).

STT	Những nguyên nhân	Học sinh ngời dân tộc thiểu số		Học sinh ngời dân tộc Kinh	
		—	TB	—	TB
Nguyên nhân chủ quan					
1	Các em thiếu hiểu biết về đối toạng giao tiếp	2,56	3	2,1	4
2	Mặc cảm về hoàn cảnh xuất thân	2,37	7	1,75	8
3	Khả năng giao tiếp của các em hạn chế	2,49	5	2,16	3
4	Vốn tiếng Việt của các em hạn chế hạn chế	2,85	1	2,25	2
5	Mặc cảm về khả năng học tập	2,41	6	1,7	9
6	Không hiểu biết về văn hoá của các dân tộc khác	2,05	9	2,0	6
7	Sợ nói không đúng bị cô và các bạn khac chê cười	2,50	4	2,06	5
8	Do các em luôn có cảm giác thua kém các bạn	2,32	8	1,91	7
9	Tính tình nhút nhát	2,60	2	2,41	1
Nguyên nhân khách quan					
1	Môi trờng giao tiếp hạn chế thiếu thông tin	2,41	8	2,10	4

2	Ít có các hoạt động chơi chung giữa cô và học sinh	2,67	3	2,17	2
3	Các em học sinh trong lớp không thích chơi với các bạn người dân tộc thiểu số	2,70	2	-	-
4	Thời gian ngoài giờ học cho các em quá ngắn	2,47	6	2,41	1
5	Giáo viên đối xử với học sinh chưa thực sự công bằng	2,45	7	2,08	5
6	Do các em không được thầy cô, cha mẹ quan tâm	2,39	9	2,00	6
7	Gia đình chưa hiểu rõ nhu cầu giao tiếp của bản thân các em.	2,52	4	2,16	3
8	Các em HS người dân tộc thiểu số ít có cơ hội nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người	2,90	1	-	-
9	Do bị phân biệt đối xử với các em HS người dân tộc Kinh	2,30	5	-	-

(**Ghi chú :** Điểm trung bình. Nguyên nhân khó khăn trong giao tiếp của học sinh được chia ra làm 3 mức độ: Nhiều = 3 điểm, ít = 2 điểm, không bao giờ = 1 điểm. Điểm càng cao thì khó khăn trong giao tiếp của học sinh càng lớn).

2.3.2.1. Nguyên nhân chủ quan

Qua bảng ta thấy đánh giá của giáo viên về những nguyên nhân gây khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên như sau:

- Nguyên nhân “*Vốn tiếng Việt của các em hạn chế hạn chế*” được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng đầu tiên, $\bar{=}$ 2,85. Còn học sinh người dân tộc Kinh xếp thứ 2 với $\bar{=}$ 2,25.

- Nguyên nhân “*Tính tình nhút nhát*” được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 2, $\bar{=}$ 2,41. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá xếp đầu tiên với $\bar{=}$ 2,41.

- Nguyên nhân “*Các em thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp*” được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 3, $\bar{=}$ 2,56. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá xếp thứ 4 với $\bar{=}$ 2,1

- Nguyên nhân “*Sợ nói không đúng bị cô và các bạn khác chê cười*” được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 5, $\bar{=}$ 2,50. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá là nguyên nhân xếp thứ 5 với $\bar{=}$ 2,41.

- Nguyên nhân “*Mặc cảm về khả năng học tập*” được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 6, $\bar{=}$ 2,41. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá là nguyên nhân xếp thứ 9, với $\bar{=}$ 1,71.

- Nguyên nhân “*Mặc cảm về hoàn cảnh xuất thân*” được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 7, $\bar{=}$ 2,37. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá xếp thứ 8 với $\bar{=}$ 1,75.

- Nguyên nhân được giáo viên đánh giá xếp thứ 8 là “*Do các em luôn có cảm giác thua kém các bạn*” $\bar{=}$ 2,32.

- Nguyên nhân được giáo viên đánh giá xếp thứ 9 là “*Không hiểu biết về văn hoá của các dân tộc khác*” $\bar{=}$ 2,05.

2.3.2.2. Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân “*Các em HS người dân tộc thiểu số ít có cơ hội nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người*” được giáo viên đánh giá là

—

nguyên nhân đứng đầu tiên, = 2,90.

- Nguyên nhân “*Các em học sinh trong lớp không thích chơi với các bạn người dân tộc thiểu số*” được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 2,

$\bar{= 2,70}$.

- Nguyên nhân “*Ít có các hoạt động chơi chung giữa cô và học sinh*”

được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 3, $\bar{= 2,67}$. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá xếp thứ 2 với $\bar{= 2,17}$.

- Nguyên nhân “*Gia đình chưa hiểu rõ nhu cầu giao tiếp của bản thân*

các em”, được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 4, $\bar{= 2,52}$. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá xếp thứ 4 với $\bar{= 2,16}$

- Nguyên nhân “*Sợ nói không đúng bị cô và các bạn khác chê cười*” được

giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 5, $\bar{= 2,50}$. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá là nguyên nhân xếp thứ 3 với $\bar{= 2,41}$.

- Nguyên nhân “*Thời gian ngoài giờ học cho các em quá ngắn*” được

giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 6, $\bar{= 2,47}$. Còn học sinh người dân tộc Kinh được giáo viên đánh giá là nguyên nhân xếp thứ 1, với $\bar{= 2,41}$.

- Nguyên nhân “*Giáo viên đối xử với học sinh chưa thực sự công bằng*”

được giáo viên đánh giá là nguyên nhân đứng thứ 7, $\bar{= 2,45}$.

- Nguyên nhân được giáo viên đánh giá xếp thứ 8 là “*Môi trường giao*

tiếp hạn chế thiếu thông tin” $\bar{= 2,41}$.

- Nguyên nhân được giáo viên đánh giá xếp thứ 9 là “*Do các em không được thầy cô, cha mẹ quan tâm*” $\bar{= 2,39}$.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trường Tiểu học Phương Tiến một trường nhỏ nằm ở xã Phương Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, trường chủ yếu là các em học sinh dân tộc thiểu số trong địa bàn xã theo học.

Qua kết quả nghiên cứu 53 học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số trường Tiểu học Phương Tiến - Vị Xuyên - Hà Giang về khó khăn khi giao tiếp với giáo viên chúng tôi nhận thấy:

- Đa số học sinh đều cho rằng các em gặp khó khăn tâm lý khi giao tiếp với giáo viên. Có sự khác biệt đó là do môi trường sống, phạm vi giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số không thuận lợi.

- Phần lớn học sinh dân tộc thiểu số đều có những biểu hiện khó khăn tâm lý khi giao tiếp với giáo viên như: Lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm; Lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên; Khó trình bày lời nói của mình với giáo viên; Thiếu chủ động trong giao tiếp;....Tuy nhiên, mỗi học sinh có những biểu hiện khó khăn trong tâm lý khi giao tiếp với giáo viên ở những mức độ khác nhau.

- Có rất nhiều yếu tố, nhiều nguyên nhân ảnh hưởng tới giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số với giáo viên trong đó có cả các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan. Những yếu tố chủ quan cơ bản ảnh hưởng tới giao tiếp của học sinh là: Thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp; Vốn tiếng Việt hạn chế;

Tính tình nhút nhát.... Bên cạnh những yếu tố chủ quan còn có những nguyên nhân khách quan như: Môi trường giao tiếp hạn chế thiếu thông tin; Ít có các hoạt động chơi chung; Thời gian ngoài giờ học quá ngắn.... Các nguyên nhân gây nên khó khăn trong giao tiếp giữa học sinh dân tộc thiểu số với giáo viên ở những mức độ khác nhau.

Qua kết quả nghiên cứu của giáo viên chủ nhiệm lớp 4 về những khó khăn của học sinh dân tộc thiểu số với giáo viên chúng tôi nhận thấy: Các

giáo viên cho rằng các em học sinh dân tộc thiểu số đều gặp phải những khó khăn khi giao tiếp và mỗi học sinh gặp phải những khó khăn khi giao tiếp khác nhau, ở mức độ khác nhau. Với nguyên nhân gây nên khó khăn của học sinh dân tộc thiểu số với giáo viên, cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan đều được giáo viên đánh giá rất cao.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HỌC SINH LỚP 4 NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG GIAO TIẾP VỚI GIÁO VIÊN TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG TIẾN - VỊ XUYỀN - HÀ GIANG

Cuộc sống tâm lý của con người bắt đầu từ nhu cầu giao tiếp với con người, trước tiên là với những người xung quanh. Từ khi biết nói thì việc giao tiếp bằng ngôn ngữ trở nên cực kỳ quan trọng trong đời sống tinh thần của trẻ.

Việc đi học ở trường phổ thông là bước ngoặt quan trọng trong đời sống của trẻ. Những mối quan hệ với giáo viên, với các bạn cùng tuổi được hình thành, trẻ được đưa vào hệ thống các tập thể.

3.1. Khắc phục những khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số với giáo viên bằng các hoạt động trong giờ học

3.1.1. Tăng cường cho học sinh thực hành, trải nghiệm các tình huống giao tiếp cụ thể (Tăng cường hoạt động giao tiếp).

Mọi người đều bận rộn với công việc của mình và trẻ em ít có cơ hội được giao tiếp với mọi người xung quanh hơn, dẫn đến tình trạng nhiều trẻ khi giao tiếp thì ngại ngùng, ấp úng, không diễn đạt được trọn vẹn ý hiểu của mình hay có những em còn sợ ngại giao tiếp. Mặt khác giao tiếp là một trong những kỹ năng sống cơ bản, không thể thiếu để tồn tại của con người, nhưng giao tiếp chỉ được hình thành thông qua hoạt động thực hành. Bởi vậy, muốn học sinh giao tiếp tốt hơn, giáo viên cần cho học sinh thực hành giao tiếp, được giao tiếp trực tiếp với bạn bè, thầy cô và mọi người xung quanh trong và ngoài lớp học một cách thường xuyên thì kỹ năng giao tiếp sẽ được rèn luyện bền vững.

Đối với học sinh Tiểu học, hoạt động học tập được coi là hoạt động chủ yếu và chiếm nhiều thời gian nhất khi học sinh tới trường. Điều này cần đặt ra yêu cầu muốn rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh cần phải lồng ghép nội dung rèn luyện bằng giao tiếp vào quá trình dạy học bài mới của các môn học

ở Tiểu học. Việc rèn luyện khả năng giao tiếp cho học sinh thông qua các hoạt động học tập những môn học khác nhau không chỉ giúp học sinh tiếp thu được kiến thức dễ dàng hơn, mà còn góp phần rèn luyện khả năng giao tiếp cho các em. Giao tiếp chỉ được hình thành thông qua hoạt động thực hành.

Khả năng giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số chỉ được hình thành và thực sự bền vững khi học sinh tham gia vào quá trình giao tiếp, học sinh được giao tiếp nhiều trong thực tế. Chẳng hạn, có những học sinh ngại giao tiếp, giao tiếp ấp úng, không biết cách diễn đạt suy nghĩ của mình.... Khi được thực hành giao tiếp nhiều lần trong các nhân tố giao tiếp khác nhau, thì khả năng giao tiếp sẽ dần được tốt hơn. Giáo viên cần tạo điều kiện tối đa để học sinh được tham gia vào các hoạt động thực hành, trải nghiệm.

Thông qua quá trình dạy học, giáo viên hướng dẫn học sinh cách giao tiếp với bạn bè, với thầy cô giáo, đưa ra ý kiến của bản thân. Cho học sinh được giao tiếp với các hoạt động và đối tượng giao tiếp khác nhau, để học sinh có cơ hội giao tiếp với giáo viên nhiều hơn.

3.1.2. Xây dựng các tình huống giả định trong dạy học

Trong quá trình dạy học, giáo viên cần chú ý tăng cường sử dụng các tình huống giao tiếp giả định phong phú về nội dung và hình thức. Trong thực tế, việc sử dụng các tình huống giao tiếp trong dạy học thường giúp học sinh hứng thú hơn với hoạt động học. Thông qua việc giải quyết các nhiệm vụ học tập trong tình huống giao tiếp giả định, học sinh rèn được khả năng giao tiếp dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Các tình huống giả định được giáo viên đưa ra, học sinh và giáo viên sẽ cùng nhau đi phân tích, tìm hiểu tình huống giả định đó, rồi sau đó học sinh sẽ là người giải quyết tình huống đó.

3.1.3. Sử dụng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp: trò chơi, đồ vui....

Giáo viên nên thay đổi, đổi mới các phương pháp dạy học cho phù hợp với tiết học: Cho học sinh làm việc theo nhóm, tăng số câu hỏi để học sinh học hỏi lẫn nhau hoặc hỏi giáo viên, nhờ giáo viên hướng dẫn, giúp học sinh tăng kỹ năng nói. Xen kẽ các trò chơi nhỏ trong giờ học để tạo không khí vui vẻ, thoải mái, rút ngắn khoảng cách giữa học sinh và giáo viên, tạo điều kiện cho học sinh được thể hiện bản thân.

Ngoài việc thay đổi phương pháp dạy, giáo viên nên chủ động bắt chuyện, tạo điều kiện cho từng học sinh đều được phát biểu ý kiến trước lớp, giáo viên nhiệt tình giúp đỡ học sinh trong những vấn đề khó khăn. Giáo viên phải gần gũi, hoà đồng với giáo viên, cho học sinh giao tiếp hiểu hơn.

3.2. Khắc phục những khó khăn trong giao tiếp với giáo viên của học sinh người dân tộc thiểu số bằng các hoạt động ngoài giờ học

3.2.1. Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp

Để hạn chế những khó khăn trong giao tiếp có hiệu quả cũng như nâng cao hiệu quả giao tiếp của bản thân học sinh thì cần có những thay đổi như: học sinh người dân tộc thiểu số phải tập cho mình nói chuyện, trình bày trước đám đông, tự tin, ăn nói đồng dạng....

Hoạt động ngoài giờ lên lớp là hoạt động của cả thầy và trò được thực hiện trên lớp. Sau các giờ học căng thẳng, khi vào giờ hoạt động ngoài giờ lên lớp giáo viên cần tạo cho học sinh không khí thoải mái, vui vẻ, gắn kết học sinh với nhau. Yêu cầu học sinh nói chuyện với nhau bằng tiếng phổ thông.

3.2.2. Tổ chức các buổi nói chuyện, lao động, hoạt động chung

Có rất nhiều nguyên nhân khiến các em học sinh người dân tộc thiểu số gặp khó khăn trong giao tiếp như: Thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp, vốn

tiếng Việt hạn chế, môi trường giao tiếp hạn chế thiếu thông tin, ít có các hoạt động chơi chung, thời gian ngoài giờ học các ngày,... Để khắc phục khó

khăn trong giao tiếp của các em chúng ta cần *Tổ chức các buổi nói chuyện, lao động, hoạt động chung*. Từ các hoạt động chơi chung đó, học sinh có thể có cơ hội giao tiếp với giáo viên nhiều hơn, khi nói chuyện với nhau học sinh có thể hiểu hơn về các bạn trong lớp, thầy cô giáo và dần dần vốn tiếng Việt của các em sẽ được tăng hơn.

Qua buổi nói chuyện, hoạt động chơi chung đó, học sinh sẽ được giới thiệu về bản thân mình cho các bạn khác biết và cùng nhau chơi các trò chơi vui vẻ, từ đó giáo viên sẽ hiểu được giáo viên hơn và các em học sinh cũng sẽ hiểu nhau hơn. Khả năng giao tiếp được phát triển hơn.

3.3. Các giải pháp khác

- Giáo viên phải quan tâm đến học sinh, gần gũi, thân thiết với học sinh.
- Không phân biệt đối xử các học sinh.
- Tổ chức các hoạt động chơi chung giữa giáo viên và học sinh để tạo không khí thoải mái trong giao tiếp.
- Giáo viên cần tạo nhiều cơ hội để học sinh được giao tiếp bằng tiếng phổ thông.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu lí luận và thực tiễn, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1.1. Khó khăn tâm lý trong giao tiếp của học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên chính là: *Khó khăn trong hoạt động giao tiếp giữa học sinh người dân tộc thiểu số với giáo viên, hoạt động giao tiếp đó chịu nhiều ảnh hưởng của các yếu tố mang tính chất tiêu cực như điều kiện, môi trường, phương tiện và cả yếu tố xuất phát từ bản thân cá nhân học sinh đó khi tham gia giao tiếp như nhận thức, ngôn ngữ, vốn kinh nghiệm. Đòi hỏi học sinh dân tộc thiểu số muốn giao tiếp tốt phải có nhiều nỗ lực và sự giúp đỡ, biện pháp của giáo viên.*

1.2. Có 11 trở ngại tâm lý thường xuất hiện ở học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số trường Tiểu học Phơng Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang trong quá trình giao tiếp với giáo viên.

Nội dung các khó khăn tâm lý như sau: Lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm; Lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên; căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi; khó nói khi muốn thắc mắc với cô một điều gì đó; Khó trình bày lời nói của mình với cô giáo; Sợ thầy cô giáo hiểu lầm; Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác; Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp; Khó khăn khi diễn đạt suy nghĩ của mình; Sợ thầy cô giáo đánh giá không biết giao tiếp; Thiếu chủ động trong giao tiếp.

Mức độ biểu hiện của các khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số là khác nhau.

1.3. Có nhiều nguyên nhân gây ra các khó khăn trong giao tiếp của học sinh lớp 4 người dân tộc thiểu số trường Tiểu học Phơng Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang trong quá trình giao tiếp với giáo viên. Trong đó có cả

nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Sự ảnh hưởng của các nguyên nhân có các mức độ khác nhau tới khó khăn tâm lý. Trong đó nguyên nhân chủ quan có mức độ ảnh hưởng lớn nhất là do “Vốn tiếng Việt hạn chế” và nguyên nhân khách quan mức độ ảnh hưởng lớn nhất là “Ít có cơ hội nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người”.

1.4. Việc tổ chức các hoạt động chung giữa giáo viên và học sinh, xây dựng mối quan hệ thầy trò thân thiết, gần gũi là cần thiết, điều đó sẽ giúp các em học sinh người dân tộc thiểu số giảm bớt được các khó khăn tâm lý khi giao tiếp với giáo viên.

2. Kiến nghị

Giao tiếp của học sinh Tiểu học là một trong những nhân tố cấu thành nên đặc điểm nhân cách của các em. Với lứa tuổi học sinh Tiểu học, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số để giúp các em học sinh giao tiếp tốt hơn, chúng tôi nghĩ rằng những việc làm sau đây là rất cần thiết

2.1. Về phía Bộ GD & ĐT

Bộ GD & ĐT tạo kinh phí cho việc nghiên cứu đặc điểm tâm lý của học sinh người dân tộc thiểu số.

2.2. Về phía nhà trường Tiểu học

- Tổ chức đa dạng các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phong phú, hấp dẫn giữa học sinh và giáo viên. Để các em có điều kiện tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm với giáo viên....
- Cần tổ chức cho giáo viên xuống làng, bản tìm hiểu về phong tục, tập quán của các dân tộc. Tăng thêm vốn hiểu biết về đời sống của người dân tộc.
- Tổ chức những buổi hội thảo trao đổi kinh nghiệm giảng dạy khi dạy ở những lớp người dân tộc thiểu số.

- Nhà trường cần khuyến khích cán bộ giáo viên nghiên cứu về tâm lý của học sinh người dân tộc thiểu số.

2.3. Về phía giáo viên

- Giáo viên nên cởi mở, thân thiện, tạo không khí tâm lý thoải mái khi giao tiếp với học sinh.
- Giáo viên cần chủ động quan tâm đến học sinh nhiều hơn, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số
- Tạo niềm tin cho học sinh khi tiếp xúc với giáo viên bằng thái độ chân thành.
- Đối xử công bằng và yêu cầu nhau đối với mọi học sinh.
- Phát triển một trong số những hình thức phát triển năng lực giao tiếp và ứng xử cho học sinh mà giáo viên có thể sử dụng là phương pháp hội thoại trong giảng dạy.

2.4. Đối với học sinh người dân tộc thiểu số

- Cần tích cực tham gia các hoạt động chung của lớp của trường.
- Chủ động hơn khi giao tiếp với giáo viên, với các bạn trong lớp, đặc biệt khi gặp khó khăn trong học tập cần tới sự giúp đỡ của giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp.

Khi nghiên cứu đề tài này, vì trong thời gian hạn chế nên có thể đề tài chưa được sâu sắc và toàn diện. Hơn nữa, đây là lần đầu tiên tôi nghiên cứu một vấn đề khoa học giáo dục nên không tránh khỏi những bỡ ngỡ và thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn sinh viên để khoá luận của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.A.Lêonchiev, 1979, *Giao tiếp sư phạm*, NXB Tri thức.
2. B.V.Xôlôcôv, 1972, *Văn hoá và nhân cách*, NXB Khoa học.
3. Hoàng Anh, 1995, *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Hoàng Anh, 2004, *Giáo trình tâm lý học giao tiếp*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Hoàng Anh, Nguyễn Công Hoàn, 1998, *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.
6. Vũ Ngọc Danh, 1995, *Từ điển Pháp - Việt*, NXB Thế giới.
7. Vũ Dũng, 2000, *Từ điển tâm lý học*, NXB Khoa học xã hội.
8. Phạm Minh Hạc, 1992, *Tâm lý học*, NXB Giáo dục.
9. Nguyễn Tất Hội, Trần Thị Thảo, Phơng Ân, 1998, *Từ điển Anh - Việt*, NXB Đà Nẵng.
10. Bùi Văn Huệ, Đỗ Mộng Tuấn, Nguyễn Ngọc Bích, 1995, *Tâm lý học xã hội*, Bộ GD & ĐT Hà Nội.
11. Bùi Văn Huệ, 1997, *Giáo trình tâm lý học Tiểu học*, NXB Giáo dục.
12. Nguyễn Văn Lê, Tạ Văn Doanh, 1998, *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục.
13. Trần Trọng Thủy, Đỗ Sinh Huy, 1996, *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục.
14. Trần Trọng Thủy, Nguyễn Quang Uẩn, 1998, *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục.
15. Nguyễn Nhọt Ý, *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, NXB Giáo dục, Luật HN & GD năm 2000.

16. Đào Thị Oanh, số 10/2002, *Nhu cầu giao tiếp của học sinh cuối bậc Tiểu học*, tạp chí Tâm lý học.
17. Phương pháp dạy học Tiếng Việt cho học sinh DT cấp TH, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên, NXB Giáo dục.

Phụ lục 1

PHIẾU TRỢNG CẦU Ý KIẾN

Để giúp tôi tìm hiểu về những khó khăn tâm lý của học sinh dân tộc thiểu số trong giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt, em hãy trả lời một số câu hỏi sau:

Đôi điều về bản thân

Họ và tên: Năm sinh:

Lớp: Nam / Nữ:

Dân tộc:

Chỗ ở hiện nay của gia đình:

Câu 1: *Khi giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt em có gặp khó khăn tâm lý không?*

- Có

☐

- Không

☐

** Ở những mức độ nào?*

- Thường xuyên

☐

- Đôi khi

☐

- Không bao giờ

☐

Câu 2: *Khi giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt em thường gặp những khó khăn nào dưới đây? (Đánh dấu (+) vào câu trả lời phù hợp với bạn)*

STT	Mức độ Khó khăn	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm			
2	Lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên			
3	Căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi			
4	Khó nói khi muốn thắc mắc với cô một điều gì đó			
5	Khó trình bày lời nói của mình với cô giáo			
6	Sợ thầy cô giáo hiểu lầm			
7	Không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác			
8	Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp			
9	Khó diễn đạt suy nghĩ của mình			

10 Sợ thầy cô giáo đánh giá không biết giao tiếp

11 Thiếu chủ động trong giao tiếp

Câu 3: Theo em, trong những nguyên nhân dưới đây, nguyên nhân nào là chủ yếu gây ra các khó khăn tâm lý trong giao tiếp của em với giáo viên?

(Đánh dấu (+) vào câu trả lời phù hợp với bạn)

STT	Những nguyên nhân	Nhiều	Ít	Không ảnh hưởng
Nguyên nhân chủ quan				
1	Thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp.			
2	Mặc cảm về hoàn cảnh xuất thân			
3	Khả năng giao tiếp hạn chế			
4	Vốn tiếng Việt hạn chế			
5	Mặc cảm về khả năng học tập			
6	Không hiểu biết về văn hoá của các dân tộc khác			
7	Sợ nói không đúng			
8	Do luôn có cảm giác thua kém các bạn			
9	Tính tình nhút nhát			
Nguyên nhân khách quan				
1	Môi trường giao tiếp hạn chế thiếu thông tin			
2	Ít có các hoạt động chơi chung			
3	Các bạn trong lớp không thích chơi với các bạn người dân tộc thiểu số			
4	Thời gian ngoài giờ học quá ngắn			
5	Giáo viên đối xử với học sinh chưa thực sự công bằng			
6	Do không được quan tâm			

7	Gia đình choạ hiểu rõ nhu cầu giao tiếp của bản thân em.			
8	Ít có cơ hội nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người			
9	Do bị phân biệt đối xử			

Tôi xin chân thành cảm ơn

Phụ lục 2

BIÊN BẢN QUAN SÁT

Họ và tên: Giới tính:.....

Troường:Lớp:.....

Địa điểm:.....

Ngày quan sát:

Lần quan sát:

Nội dung:

TT	Mức độ Trở ngại	Thoường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm			
2	Lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên			
3	Căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi			
4	Khó nói khi muốn thắc mắc với cô một điều gì đó			
5	Khó trình bày lời nói của mình với cô giáo			
6	Sợ thầy cô giáo hiểu lầm			
7	Không tự tin, e ngại troước tập thể, ngời khác			
8	Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp			

- 9 Khó khăn khi diễn đạt suy nghĩ của mình
- 10 Sợ thầy cô giáo đánh giá không biết giao tiếp
- 11 Thiếu chủ động trong giao tiếp

Phụ lục 3

PHIẾU TRỢNG CẦU Ý KIẾN GIÁO VIÊN

Để giúp tôi tìm hiểu về những khó khăn của học sinh dân tộc thiểu số trong giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt, xin cô (thầy) giáo vui lòng trả lời một số câu hỏi sau:

Thông tin học sinh

Họ và tên học sinh: Năm sinh:.....

Lớp: Nam / Nữ:.....

Dân tộc:

Chỗ ở hiện nay của gia đình:

Câu 1: Khi giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt học sinh này có gặp khó khăn tâm lý không?

- Có

☐

- Không

☐

**** Ở những mức độ nào?***

- Thường xuyên

☐

- Đôi khi

☐

- Không bao giờ

☐

Câu 2: Khi giao tiếp với giáo viên bằng tiếng Việt học sinh này thường gặp những khó khăn nào dưới đây? (Đánh dấu (+) vào câu trả lời phù hợp với học sinh)

STT	Mức độ Khó Khăn	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Học sinh lo lắng, sợ hãi khi bị mắc khuyết điểm			
2	Học sinh lúng túng, ngượng ngịu khi tiếp xúc với giáo viên			
3	Học sinh căng thẳng, sợ hãi khi giáo viên đặt câu hỏi			
4	Học sinh khó nói khi muốn thắc mắc với cô một điều gì đó			
5	Học sinh khó trình bày lời nói của mình với cô giáo			
6	Học sinh sợ thầy cô giáo hiểu lầm			
7	Học sinh không tự tin, e ngại trước tập thể, người khác			
8	Sợ mắc sai lầm trong giao tiếp			

9 Khó diễn đạt suy nghĩ của mình

10 Sợ thầy cô giáo đánh giá không biết giao tiếp

11 Học sinh thiếu chủ động trong giao tiếp

Câu 3: Theo cô (thầy) giáo, trong những nguyên nhân dưới đây, nguyên nhân nào là chủ yếu gây ra các khó khăn tâm lý trong giao tiếp của em với giáo viên? (Đánh dấu (+) vào câu trả lời phù hợp với học sinh)

STT	Những nguyên nhân	Nhiều	ít	Không ảnh hưởng
Nguyên nhân chủ quan				
1	Các em thiếu hiểu biết về đối tượng giao tiếp.			
2	Mặc cảm về hoàn cảnh xuất thân			
3	Khả năng giao tiếp của các em hạn chế			
4	Vốn tiếng Việt của các em hạn chế hạn chế			
5	Mặc cảm về khả năng học tập			
6	Không hiểu biết về văn hoá của các dân tộc khác			
7	Sợ nói không đúng bị cô và các bạn khác chê cười			
8	Do các em luôn có cảm giác thua kém các bạn			
9	Tính tình nhút nhát			
Nguyên nhân khách quan				
1	Môi trường giao tiếp hạn chế thiếu thông tin			
2	Ít có các hoạt động chơi chung giữa cô và học sinh			

3	Các em học sinh trong lớp không thích chơi với các bạn người dân tộc thiểu số			
4	Thời gian ngoài giờ học cho các em quá ngắn			
5	Giáo viên đối xử với học sinh chưa thực sự công bằng			
6	Do các em không được thầy cô, cha mẹ quan tâm			
7	Gia đình chưa hiểu rõ nhu cầu giao tiếp của bản thân các em			
8	Các em HS người dân tộc thiểu số ít có cơ hội nói chuyện bằng tiếng phổ thông với mọi người			
9	Do bị phân biệt đối xử với các em HS người dân tộc Kinh			

Tôi xin chân thành cảm ơn!